

Hội sở

16 Nguyễn Trường Tộ, Phường 12, Quận 4,
Tp.HCM

Điện thoại: 08.3826 8999

Fax: 08.3943 4816

Email: support@bsi.com.vn

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 5, 27 Hàng Bài, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 04.3934 5345

Fax: 04.3939 3239

Email: support@bsi.com.vn



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2012

Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA (BSI) được thành lập theo Quyết định số 67/UBCK-GP ngày 06 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Triển khai hoạt động tại Việt Nam từ năm 2007 và kể từ đó BSI luôn đạt được sự gia tăng về khối lượng giao dịch hàng năm.

Tại BSI, chúng tôi cùng nhau xây dựng Chứng khoán Beta trở thành một thương hiệu chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam.

Chứng khoán Beta cam kết cung cấp cho khách hàng các dịch vụ hoàn hảo, sản phẩm chất lượng đa dạng và chuyên biệt, có độ tin cậy cao dựa trên một nền tảng đội ngũ chuyên viên am hiểu về tài chính và giàu kinh nghiệm.

“Vững tin vào đầu tư” là sức mạnh, thông điệp và cam kết hoạt động của Chứng khoán Beta. Chúng tôi hiểu rằng sự thành công của khách hàng chính là sự thành công của Chứng khoán Beta.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2012

ANNUAL REPORT 2012

MỤC LỤC

- 5 Thông điệp của Chủ tịch HĐQT
- 6 Tổng quan về công ty
- 12 Môi trường kinh doanh 2012
- 16 Dự báo xu hướng phát triển năm 2013
- 18 Kết quả hoạt động năm 2012
- 25 Tình hình nhân sự
- 26 Định hướng phát triển 2013 của BSI
- 27 Một số chỉ tiêu tài chính kế hoạch 2013
- 28 Sơ đồ tổ chức
- 30 Hội đồng quản trị
- 32 Ban Kiểm soát
- 33 Ban Tổng Giám đốc
- 34 Báo tài chính 2012



Nguyễn Văn Cự - Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Công ty cổ phần chứng khoán Beta

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý cổ đông, quý khách hàng và các đối tác thân mến,

Trước hết, tôi thay mặt Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA (BSI) trân trọng tri ân Quý vị đã đồng hành và ủng hộ chúng tôi trong suốt thời gian qua.

Năm 2012, là năm còn nhiều khó khăn đối với nền kinh tế Việt Nam dù rằng có những dấu hiệu phục hồi tích cực. Tình hình thị trường tài chính và bất động sản Việt Nam vẫn còn đối mặt với những thách thức khi các gói giải pháp tối ưu được áp dụng vẫn chưa chính thức làm cho hai thị trường mang tính huyết mạch của nền kinh tế vượt lên cột mốc an toàn cho các nhà đầu tư. Trước tình hình đó, BSI vẫn tiếp tục chiến lược duy trì phát triển ổn định, củng cố cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng dịch vụ và phát triển thương hiệu. Nhờ xây dựng các hoạt động kinh doanh an toàn, hiệu quả nên BSI cũng đã gặt hái được một số kết quả đáng khích lệ. Tổng tài sản 2012 của BSI đạt hơn 2.300 tỷ đồng, thực hiện được 92% so với kế hoạch kinh doanh 2012. Doanh thu 2012 tăng 30% so với năm 2011, vượt 535% kế hoạch. Tuy chưa đạt được mức lợi nhuận sau thuế so với kế hoạch đề ra nhưng lợi nhuận sau thuế năm 2012 của BSI tăng 27% so với năm 2011. Đó là kết quả nhất định mà BSI đặt mục tiêu đảm bảo cho sự tăng trưởng trong dài hạn và ổn định lâu dài trong bối cảnh thị trường tài chính còn nhiều chuyển biến phức tạp.

Trong hoạt động môi giới chứng khoán, doanh thu năm

2012 đạt 9,8 tỷ đồng, thị phần môi giới chứng khoán niêm yết của BSI tính đến cuối năm 2012 chiếm thị phần gần 1% toàn thị trường tại 02 sàn HOSE và sàn HNX tăng 66% so với năm 2012, thị phần môi giới Trái phiếu Chính phủ năm 2012 BSI đạt gần 1,6% thị phần giao dịch và vinh dự thuộc Top 10 Công ty có thị phần môi giới nhiều nhất năm 2012. Đó là thành quả mà sau 2 năm BSI chính thức gia nhập thị trường môi giới Trái phiếu Chính phủ.

Năm 2013, là năm còn nhiều ẩn số cho những dự báo kinh tế mang tính khách quan và chủ quan. Tất nhiên, những kỳ vọng cho sự phục hồi thị trường tài chính vẫn là điều chúng ta mong muốn. BSI vẫn sẽ tiếp tục cố gắng khai thác và tiếp cận các cơ hội trong bối cảnh kinh tế - tài chính còn nhiều khó khăn. BSI sẽ vẫn tiếp tục mục tiêu hoạt động ổn định, củng cố bộ máy, hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin, từng bước khẳng định thương hiệu trên thị trường đưa BSI trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam. Tôi đánh giá cao sự cống hiến và tinh thần đoàn kết của toàn thể nhân viên trong suốt một năm qua. Chúng tôi cũng muốn gửi lời cảm ơn chân thành đến Quý cổ đông, khách hàng, đối tác đã tin tưởng, ủng hộ và chia sẻ với BSI. Chúng tôi mong rằng BSI sẽ tiếp tục nhận được sự hợp tác, quan tâm và hỗ trợ từ Quý vị trong thời gian tới.

Một lần nữa, xin trân trọng cảm ơn và kính chào.



NGUYỄN VĂN CỰ
CHỦ TỊCH

TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY

THÔNG TIN CHUNG

Tên chính thức: Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA (BSI)
 Hội sở: 16 Nguyễn Trường Tộ, Phường 12, Quận 4, TP. HCM
 Điện thoại: (84-8) 3826 8999
 Fax: (84-8) 3943 4816
 Email: support@bsi.com.vn
 Website: www.bsi.com.vn

Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA (BSI) được thành lập vào ngày 06/12/2007 theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 67/UBCK-GP của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.

Hiện nay, BSI đang hoạt động với số vốn điều lệ là 400 tỷ đồng và thực hiện đầy đủ các nghiệp vụ:

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

- Môi giới chứng khoán
- Lưu ký Chứng khoán
- Tư Vấn Đầu Tư Chứng khoán
- Tự doanh Chứng khoán
- Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp
- Bảo lãnh phát hành Chứng khoán
- Xác định Giá trị Doanh nghiệp

TẦM NHÌN

Trở thành một trong những Công ty Chứng khoán hàng đầu Việt Nam về thương hiệu và chất lượng dịch vụ.

SỨ MỆNH

- BSI xác định nguồn nhân lực làm nòng cốt, tạo dựng đội ngũ CBNV làm việc chuyên nghiệp và có đạo đức nghề nghiệp.
- BSI chú trọng tạo lập, duy trì sự tin cậy, hài lòng của khách hàng, đối tác và đảm bảo hài hòa lợi ích cho cổ đông.
- BSI hoạt động hướng đến lợi ích chung của xã hội.



Hội sở công ty cổ phần chứng khoán Beta: 16 Nguyễn Trường Tộ, Phường 12, Quận 4, TP. HCM

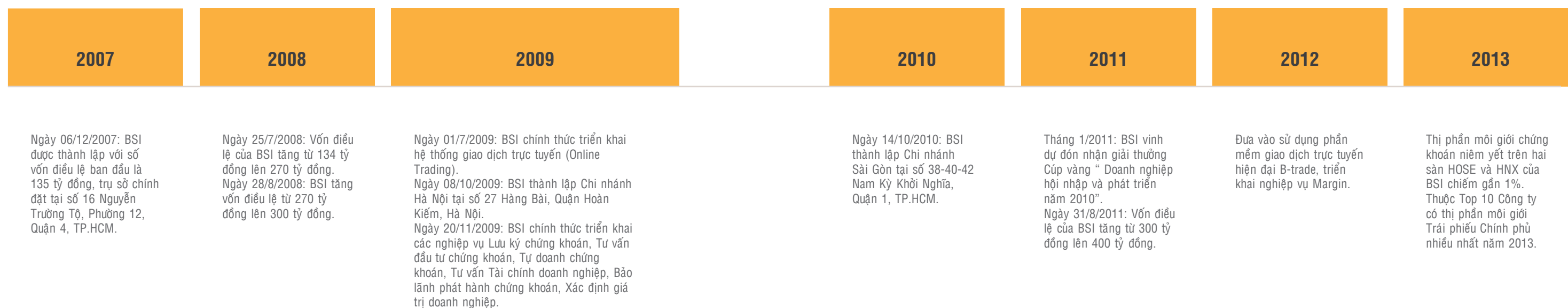
GIÁ TRỊ CỐT LÕI


- MINH BẠCH: BSI hoạt động theo tiêu chí minh bạch và trung thực.
- SÁNG TẠO: BSI xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp và không ngừng sáng tạo những giá trị mới cho khách hàng, đối tác và cổ đông.
- TIN CẬY: nền tảng kinh doanh của BSI là tạo dựng uy tín với khách hàng, đối tác và cổ đông.

LỢI THẾ CẠNH TRANH

- BSI có tiềm lực tài chính mạnh.
- BSI có chiến lược phát triển bền vững.
- BSI hội tụ đội ngũ nhân sự có tầm nhìn và đạo đức nghề nghiệp.
- BSI áp dụng công nghệ hiện đại và cung cấp dịch vụ chất lượng.

CỘT MỐC PHÁT TRIỂN





Vấn đề lớn nhất và thậm chí là kẻ thù lớn nhất của nhà đầu tư chính là bản thân họ

The investor's chief problem - and even his worst enemy - is likely to be himself

Benjamin Graham

MÔI TRƯỜNG KINH DOANH NĂM 2012

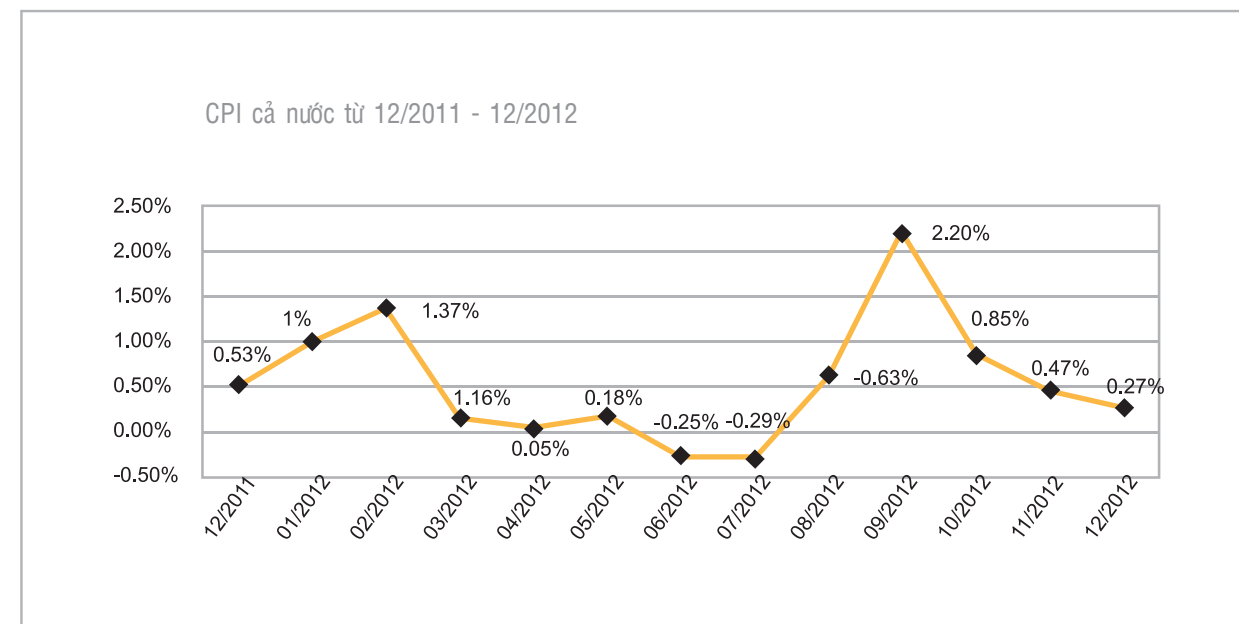
Năm 2012 được coi là một trong những năm kinh tế thế giới gặp nhiều khó khăn. Cuộc khủng hoảng nợ công ở châu Âu tiếp tục sa lầy và chưa có biện pháp rõ ràng để khu vực này thoát ra được, kinh tế Mỹ, Nhật Bản đều không mấy khả quan. Các nền kinh tế mới nổi như Trung Quốc, Ấn Độ, Brazil... cũng không còn giữ được mức tăng trưởng ấn tượng như khoảng 3 – 5 năm trước. Bức tranh tổng thể của nền kinh tế Thế Giới với gam màu chủ đạo là tăng trưởng kinh tế chậm lại, thất nghiệp tăng cao, sức mua hạn chế, nợ công nhiều hơn...

Đối với Việt Nam, năm 2012 là một năm cực kỳ khó khăn cho các doanh nghiệp do tác động việc tăng lãi suất cho vay, nguồn vốn tín dụng bị kiểm soát chặt, nợ xấu không ngừng gia tăng, tồn kho cao, sức mua giảm rõ rệt, hàng loạt doanh nghiệp lâm vào phá sản, thất nghiệp tăng cao, thị trường chứng khoán sụt giảm nghiêm trọng, nguồn vốn huy động qua kênh thị trường chứng khoán không khả quan... Những nguyên nhân trên có mối quan hệ hữu cơ, tác động, ảnh hưởng qua lại lẫn nhau làm cho quá trình tái cơ cấu nền kinh tế của chính phủ không thể triển khai có hiệu quả trong một thời gian ngắn.

Tốc độ tăng trưởng CPI: Chỉ số giá tiêu dùng tháng 12/2012 tăng 0,27% so với tháng trước và tăng 6,81% so với tháng 12/2011. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2012 tăng 9,21% so với bình quân năm 2011. Cụ thể là: CPI tăng không quá cao vào hai

tháng đầu năm (tăng 1,0% vào tháng Một và tăng 1,37% vào tháng Hai) nhưng tăng cao nhất vào tháng Chín với mức tăng 2,20%, chủ yếu do tác động của nhóm thuốc và dịch vụ y tế và nhóm giáo dục. Mức tăng chỉ số giá tiêu dùng đã chậm dần trong những tháng cuối năm, điều này thể hiện tính kịp thời và hiệu quả của việc triển khai Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 26/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác quản lý, điều hành và bình ổn giá. Trong năm có tới 7 tháng CPI chỉ tăng dưới 1% và hầu hết các tháng chỉ tăng dưới 0,5%. Một điều khác thường nữa của thị trường giá cả trong nước năm nay là CPI không giảm vào sau Tết âm lịch mà giảm vào hai tháng giữa năm Tháng Sáu và tháng Bảy. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2012 tăng 9,21% so với bình quân năm 2011.

GDP: Sự phục hồi yếu của kinh tế toàn cầu đi đôi với chính sách bình ổn trong nước và tiến độ cải cách cơ cấu chậm hơn mong đợi đã dẫn đến tình trạng sản xuất, kinh doanh đình đốn trong năm 2012. Quý I năm 2012 bị ảnh hưởng nặng nề, khi GDP chỉ tăng trưởng 4% so với cùng kỳ năm 2011. Kết quả được dẫn cải thiện một phần phản ánh những nỗ lực của Chính phủ trong việc hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh, một phần do tính thời vụ của các số liệu GDP của Việt Nam. Vào tháng 5/2012, Chính phủ thông qua Nghị quyết 13, bao gồm một loạt biện pháp từ giãn, hoãn thuế đến bổ sung vốn để thúc đẩy nền



(Nguồn: Tổng cục thống kê/BSI)

kinh tế đang đình đốn. Bổ sung cho các biện pháp này là việc NHNN đã mạnh tay cắt giảm lãi suất chính sách lên đến 500 điểm cơ bản trong sáu tháng đầu năm 2012. Nền kinh tế có chuyển biến với những định hướng mới, tăng trưởng đạt 4,7% vào quý II và 5,4% vào quý III, quý IV tăng 5,44%. Như vậy GDP năm 2012 theo giá so sánh 1994 ước tính tăng 5,03% so với năm 2011. Mức tăng trưởng năm 2012 tuy thấp hơn mức tăng 5,89% của năm 2011 nhưng trong bối cảnh kinh tế thế giới gặp khó khăn, cả nước tập trung thực hiện mục tiêu ưu tiên kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô thì mức tăng như vậy là hợp lý và thể hiện xu hướng cải thiện qua từng quý, khẳng định tính kịp thời, đúng đắn và hiệu quả của các biện pháp các giải pháp thực hiện của Trung ương Đảng, Quốc hội và Chính phủ.

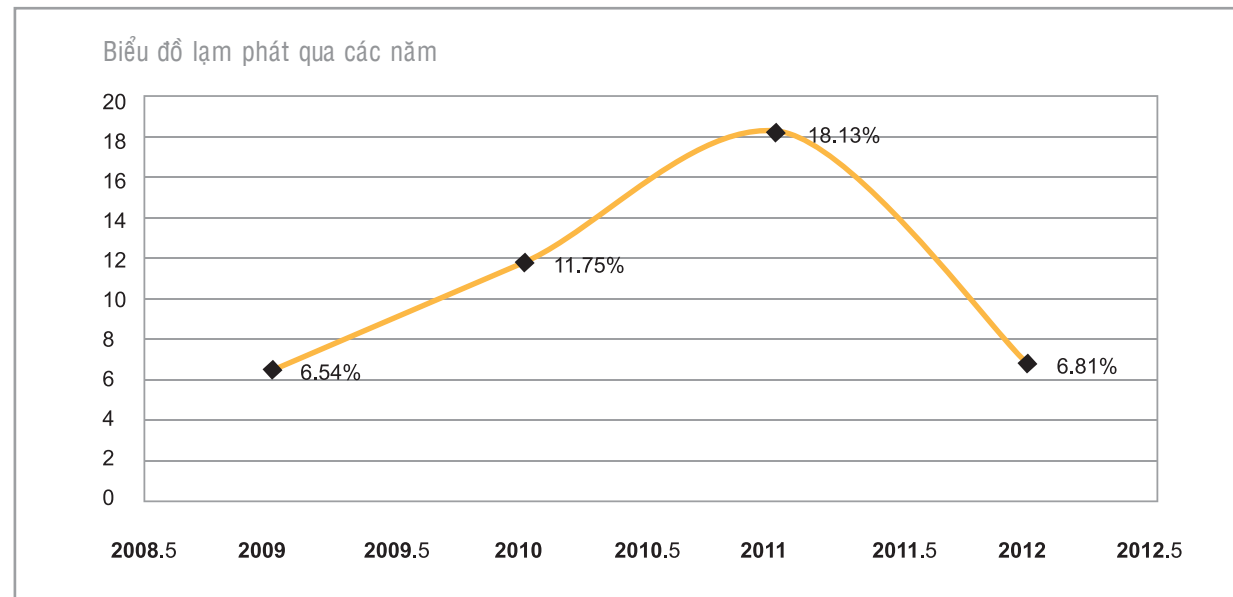
Thu nhập bình quân theo đầu người năm 2012 của cả nước là 1.540 USD/người tăng 240 USD tương đương tăng 18,46% so với mức 1.300USD/người của năm 2011.

Cán cân thương mại: Năm 2012 xuất siêu 284 triệu USD và là năm đầu tiên Việt Nam xuất siêu hàng hóa kể từ năm 1993. Trong năm chỉ có ba tháng nhập siêu ở mức thấp, các tháng còn lại đều xuất siêu, đặc biệt là các tháng cuối năm. Nguyên nhân chủ yếu do suy giảm của sản xuất và tiêu dùng trong nước nên nhập khẩu tăng thấp hơn nhiều so với xuất khẩu. Đáng chú ý là xuất siêu hàng hóa chủ yếu ở khu vực

có vốn đầu tư nước ngoài với mức xuất siêu đạt gần 12 tỷ USD.

Lãi suất: Ngay từ đầu năm, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước đã định hướng điều chỉnh giảm lãi suất bình quân 1%/năm trong mỗi quý. Tuy nhiên, với xu hướng tăng chậm lại của lạm phát và khả năng cải thiện thanh khoản, NHNN đã điều chỉnh giảm các mức lãi suất chủ chốt nhanh hơn dự kiến. NHNN cho rằng, điều hành lãi suất đã định hướng, dẫn dắt thị trường, đồng thời có sự điều chỉnh linh hoạt, phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô và tiền tệ. Mặt bằng lãi suất huy động và cho vay đã giảm mạnh so với cuối năm 2011. Đến cuối năm 2012, mặt bằng lãi suất huy động VND giảm 3-6%/năm, lãi suất cho vay giảm 5-9%/năm so với cuối năm 2011 và đã trở về xấp xỉ với mức lãi suất của cuối năm 2007.

Sau khi tăng trưởng âm trong suốt 5 tháng đầu năm, tín dụng bắt đầu dương trở lại từ tháng 6/2012 với tốc độ tăng chậm. Tính đến hết năm 2012 tăng trưởng tín dụng đạt khoảng 7% vào cuối năm, không khả quan như mong đợi và thấp hơn nhiều so với mức tăng 10,9% của năm 2011. Trong khi đó, huy động lại tăng trưởng mạnh mẽ và đạt mức 20,29%, cao gấp đôi mức tăng 9,89% của năm 2011. Tình hình kinh tế khó khăn, hàng tồn kho lớn khiến sản xuất bị thu hẹp trong khi nợ xấu ngân hàng tăng cao là yếu tố chính khiến cho cả doanh nghiệp và các ngân hàng thương mại thận trọng hơn trong việc đi vay và



(Nguồn: Tổng cục thống kê/BSI)

cho vay mặc dù lãi suất đã giảm khá mạnh. Trong năm 2013, NHNN cho hay sẽ kiểm soát tăng trưởng tín dụng theo định hướng tăng trưởng tín dụng cả năm 2013 khoảng 12% nhưng linh hoạt điều chỉnh theo diễn biến và tình hình thực tế.

Biến động tỷ giá: Tình trạng dư thừa USD trong nền kinh tế bắt đầu biến động mạnh vào đầu năm 2008. Dù kinh tế gặp nhiều khó khăn trong giai đoạn này nhưng vốn đầu tư trực tiếp FDI đăng ký vẫn lên tới 71,5 tỷ USD, vốn FDI giải ngân đạt mức kỷ lục 11,5 tỷ USD, dòng kiều hối chuyển về cũng đạt trên 7 tỷ USD.

Năm 2012, Nguồn cung USD tăng trên thị trường giúp cho NHNN tăng cường dự trữ ngoại hối, hiện nay đã lên đến hơn hai tháng nhập khẩu. Trái phiếu Chính phủ đầu tháng 11 được giao dịch với mức phí bù rủi ro chưa đến 300 điểm cơ bản so với kỷ lục 600 điểm vào cuối năm 2011. Kể từ khi bắt đầu chu kỳ biến động bất thường vào năm 2007, đây là lần đầu tiên Việt Nam đạt được và duy trì ổn định kinh tế vĩ mô trong một thời gian dài trên 18 tháng.

Đầu tư phát triển: Vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện năm 2012 theo giá hiện hành ước tính đạt 989,3 nghìn tỷ đồng, tăng 7% so với năm trước và bằng 33,5% GDP. Trong đó vốn khu vực Nhà nước đạt 374,3 nghìn tỷ đồng, tăng 9,6%; khu vực ngoài Nhà nước đạt 385 nghìn tỷ đồng, tăng 8,1%; khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài 230 nghìn tỷ đồng tăng 1,4%. Trong vốn đầu tư thực hiện khu vực Nhà nước năm nay, vốn từ ngân sách Nhà nước đạt 205

nghìn tỷ đồng tăng 15% so với năm 2011, bao gồm: vốn trung ương quản lý đạt 50,3 nghìn tỷ đồng, tăng 15,4%; vốn địa phương quản lý đạt 154,7 nghìn tỷ đồng, tăng 14,9%.

Thị trường chứng khoán 2012

Năm 2012, tổng huy động vốn cổ phần và cổ phần hóa là 18.000 tỷ đồng, giảm 10% so với năm 2011. Trong đó, huy động vốn phát hành mới của DN niêm yết là gần 11.000 tỷ đồng. Số vốn huy động được quá thấp so với nhu cầu thực tế cho thấy TTCK Việt Nam chưa hoàn thành được vai trò của mình.

Điểm sáng trong năm 2012 đánh dấu bước tăng trưởng vượt bậc trong huy động trái phiếu, nhưng chủ yếu là trái phiếu chính phủ, chứ không phải trái phiếu DN. Tổng giá trị huy động trái phiếu chính phủ năm 2012 tăng 92% so với năm 2011, đạt 152.000 tỷ đồng.

TTCK bị ảnh hưởng không nhỏ từ khó khăn vĩ mô, nhưng thanh khoản tính chung cả năm tăng đáng kể, đặc biệt sau khi Sở GDCK kéo dài thời gian giao dịch và áp dụng lệnh thị trường. Quy mô giao dịch bình quân đạt 2.158 tỷ đồng/phiên (tính cả trái phiếu), tăng 55% so với năm 2011; trong đó, giao dịch cổ phiếu và chứng chỉ quỹ đạt bình quân 1.304 tỷ đồng/phiên, tăng 28% so với năm 2011.

Năm 2012, TTCK Việt Nam được dự báo sẽ phải chứng kiến sự thoái lui đầu tư của NĐT nước ngoài, nhưng trên thực tế, với sự tham gia ngày một tích cực của các quỹ đầu tư chỉ số, NĐT chiến lược..., dòng vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài vào Việt Nam vẫn đạt 2



Cuối năm 2012, VN-Index giảm 17,67% so với cuối năm 2011



Cuối năm 2012, HNX-Index giảm 2,8% so với cuối năm 2011

tỷ USD, tăng 10% so với năm 2011.

Đối với nhóm CTCK, công ty quản lý quỹ, năm 2012 tiếp tục là một năm khó khăn. Trên 50% CTCK thua lỗ. Đối với các công ty quản lý quỹ, số đơn vị hoạt động cầm chừng, thua lỗ ít hơn, chỉ 14 trên tổng số 47 công ty.

Xu hướng chọn lọc CTCK, công ty quản lý quỹ năm 2012 tiếp tục diễn ra. Tài sản quản lý bởi các công ty quản lý quỹ tập trung chủ yếu vào các công ty trực

thuộc ngân hàng, công ty bảo hiểm, công ty chứng khoán. Những CTCK mạnh tiếp tục lãi lớn. Với 11 CTCK đã bị đặt trong tình trạng kiểm soát đặc biệt, 3 công ty quản lý quỹ đang bị xem xét đưa vào diện kiểm soát đặc biệt, sức ép thanh lọc các CTCK, công ty quản lý quỹ yếu kém trong thời gian tới sẽ ngày một lớn hơn, đặc biệt là sau khi Thông tư 226/2010/TT-BTC về an toàn tài chính tổ chức kinh doanh chứng khoán được sửa đổi, bổ sung.

DỰ BÁO XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂM 2013

So với năm 2012, tình hình kinh tế trong nước năm 2013 có những yếu tố thuận lợi hơn. Chính phủ tiếp tục tích cực triển khai các biện pháp để tái cấu trúc nền kinh tế, hàng loạt đề án về tái cấu trúc doanh nghiệp Nhà nước, hệ thống ngân hàng và TTCK đã được ban hành. Đồng thời, Chính phủ cũng tiếp tục thực hiện các chính sách để ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm mục tiêu tăng trưởng năm 2013 cao hơn so với mức tăng trưởng năm 2012. Chính phủ đã và đang chỉ đạo triển khai các giải pháp tích cực nhằm tháo gỡ khó khăn cho DN, xử lý các vấn đề về nợ xấu trong hệ thống ngân hàng, thị trường bất động sản, tăng trưởng tín dụng và mặt bằng lãi suất... Điều kiện kinh tế trong nước đã và sẽ có những cải thiện nhất định khi lạm phát từng bước được kiểm chế; cán cân thương mại cải thiện mặt bằng lãi suất có xu hướng giảm dần, tỷ giá được duy trì ổn định, dự trữ ngoại hối tăng... Bộ Tài chính đã trình Chính phủ ban hành nhiều giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh và hỗ trợ thị trường thông qua các giải pháp về thuế, phí, hỗ trợ tài chính, chỉ tiêu ngân sách, đầu tư xây dựng cơ bản. Đặc biệt, các giải pháp tái cấu trúc DN. Ngân hàng Nhà nước cũng đưa ra nhiều giải pháp nhằm giảm dần mặt bằng lãi suất, triển khai các chương trình tín dụng hỗ trợ lãi suất... sẽ tạo ra những tác động tích cực cho cộng đồng DN và cả nền kinh tế. Bên cạnh đó, khung pháp lý cho thị trường và cho công tác tái cấu trúc thị trường, đặc biệt là tái cấu trúc cho các công ty chứng khoán về cơ bản được hoàn thiện nên đây cũng là tiền đề rất quan trọng để thúc đẩy TTCK trong thời gian tới.

Tuy nhiên, bên cạnh những yếu tố thuận lợi, thì nền kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn. Từ yếu tố bên ngoài, như tình hình kinh tế thế giới dự báo trong năm 2013 còn có nhiều diễn biến phức tạp, khó khăn, tiềm ẩn nhiều rủi ro và tốc độ tăng trưởng toàn cầu khó phục hồi, yếu tố trong nước, chính sách kinh tế phải thực hiện đồng thời mục tiêu duy trì ổn định kinh tế vĩ mô, để phòng lạm phát tăng cao trở lại và vẫn bảo đảm tăng trưởng cao hơn so với năm 2012. Sức cầu trong nước còn yếu, khả năng cạnh tranh, hiệu quả của nền kinh tế còn thấp. Việc xử lý nợ xấu ngân hàng và tái cấu trúc DN là vấn đề lớn và không thể xử lý ngay trong ngày một ngày hai. Ngân sách nhà nước sẽ còn có nhiều khó khăn, yêu cầu chi cho mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô tăng nhưng nguồn thu có nhiều khó khăn.

Riêng thị trường chứng khoán, UBCK đã và đang đưa ra các giải pháp nhằm hỗ trợ thị trường chứng khoán. Với mục tiêu minh bạch hóa thị trường chứng khoán, UBCK đã và đang thanh kiểm tra, xử lý mạnh tay các hoạt động phi pháp trên thị trường chứng khoán, như các hoạt động bán khống, tạo cung cầu ảo... Từ ngày 15/1/2013, chính thức nới rộng biên độ giao động trên cả hai sàn chứng khoán, trong đó trên sàn HOSE là +/-7% và sàn HNX là +/-10%. UBCK cũng đang xây dựng Nghị định hướng dẫn riêng về tổ chức và giao dịch chứng khoán phái sinh để trình Chính phủ ban hành trong năm 2013. Bên cạnh đó, UBCK cũng đang xem xét việc nới room cho nhà đầu tư nước ngoài. Việc nới room, có thể sẽ kích thích dòng vốn ngoại vào thị trường chứng khoán Việt Nam.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2012

TÓM TẮT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH 2012

Năm 2012, Tổng tài sản của BSI 2.315.984.556.571 đồng. So với năm 2011 tăng 2,57%.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Đơn vị tính: đồng Việt Nam		
	2010	2011	2012
Tổng tài sản	1.737.638.342.495	2.257.900.999.428	2.315.984.556.571
Vốn điều lệ	300.000.000.000	400.000.000.000	400.000.000.000
Số cổ phiếu lưu hành (cổ phiếu)	30.000.000	40.000.000	40.000.000
Vốn chủ sở hữu	302.351.242.500	408.142.530.622	415.220.108.674

KẾT QUẢ KINH DOANH	Đơn vị tính: đồng Việt Nam		
	2010	2011	2012
Doanh thu thuần	58.929.515.058	292.730.324.149	381.746.522.266
Lợi nhuận gộp từ hoạt động	19.138.038.888	30.038.370.643	39.853.257.017
Kinh doanh	649.481.443	6.809.619.022	7.218.627.338
Lợi nhuận trước thuế	649.481.443	6.811.633.385	7.367.142.052

CHỈ TIÊU KHÁC	Đơn vị tính: %		
	2010	2011	2012
Cơ cấu tài sản (%)			
Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	84,60	90,75	92,95
Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	15,40	9,25	7,05
Cơ cấu nguồn vốn (%)			
Nợ phải trả/ Tổng tài sản	82,60	81,92	82,07
Nguồn vốn CSH/ Tổng tài sản	17,4	18,08	17,93

TỶ SUẤT LỢI NHUẬN	Đơn vị tính: %		
	2010	2011	2012
Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	1,10%	1,98%	1,93%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,04%	0,26%	0,32%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	0,22%	1,45%	1,84%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH	0,21%	1,42%	1,77%



TỔNG QUAN DỊCH VỤ

Sau hơn 05 năm thành lập, chất lượng cung cấp các dịch vụ chứng khoán ngày càng được nâng cao, mang đến cho khách hàng sự hài lòng cao, các dịch vụ ngày một phát triển như: Môi giới chứng khoán, Tư vấn tài chính doanh nghiệp, Lưu ký chứng khoán, nghiệp vụ Margin chứng khoán và quản lý rủi ro cho khách hàng...

Lưu ký chứng khoán: Với công nghệ hiện đại, nghiệp vụ Lưu ký, chuyển khoản chứng khoán, thực hiện quyền cho nhà đầu tư tại BSI được tiến hành một cách nhanh chóng và thuận tiện. Hệ thống quản lý và theo dõi chuyên nghiệp của BSI giúp nhà đầu tư thực hiện giao dịch một cách chính xác và hiệu quả trong thời gian nhanh nhất. Cụ thể, khách hàng sẽ được cung cấp các dịch vụ: Ký gửi chứng khoán; Thực hiện quyền liên quan

đến người sở hữu chứng khoán bao gồm Quyền bỏ phiếu (Quyền tham dự ĐHCĐ), Quyền nhận lãi, vốn gốc trái phiếu và cổ tức bằng tiền, Quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng, Quyền mua chứng khoán phát hành thêm, Quyền chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi và các Quyền khác theo quy định của pháp luật; Chuyển khoản chứng khoán; Giao dịch chứng khoán lô lẻ; Tặng, cho, thừa kế; Cầm cố và giải tỏa chứng khoán cầm cố.

Môi giới chứng khoán niêm yết: Với đội ngũ nhân viên môi giới năng động, chuyên nghiệp, có kiến thức chuyên sâu và có đạo đức nghề nghiệp, BSI luôn sẵn sàng đáp ứng một cách tốt nhất như cầu về đầu tư và giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư. Nhà đầu tư có thể đặt lệnh trực tiếp qua hệ thống giao dịch trực tuyến

“Sau hơn 05 năm thành lập, chất lượng cung cấp các dịch vụ chứng khoán ngày càng được nâng cao, mang đến cho khách hàng sự hài lòng cao, các dịch vụ ngày một phát triển như: Môi giới chứng khoán, Tư vấn tài chính doanh nghiệp, Lưu ký chứng khoán, nghiệp vụ Margin chứng khoán và quản lý rủi ro cho khách hàng...”

(online trading), tại các sàn giao dịch của BSI hoặc qua điện thoại. Các lệnh mua, bán chứng khoán của nhà đầu tư dù đặt bằng bất kỳ hình thức nào, đều được thực hiện nhanh chóng, chính xác và an toàn.

Môi giới chứng khoán OTC: Có mối quan hệ chặt chẽ với nhiều công ty OTC, nguồn thông tin phong phú và được cập nhật liên tục, BSI cung cấp cho nhà đầu tư rất nhiều thông tin về những loại cổ phiếu chưa niêm yết và giúp cho nhà đầu tư thực hiện giao dịch nhanh chóng, an toàn và giảm thiểu tối đa rủi ro. Nhà đầu tư tham gia đầu tư trên thị trường chứng khoán phi tập trung (tự do, chưa niêm yết) có thể chọn lựa nhiều hình thức giao dịch tại sàn giao dịch OTC của BSI: trực tiếp qua điện thoại, qua tài khoản đăng nhập vào các website mua bán cổ phiếu OTC.

Quản lý sổ cổ đông: BSI cung cấp dịch vụ Quản lý sổ cổ đông như một công cụ và giải pháp quản lý an toàn, hiệu quả nhằm đáp ứng nhu cầu cũng như đảm bảo tối ưu những lợi ích của doanh nghiệp và các cổ đông. Dựa trên phần mềm công nghệ tiên tiến OOS cùng với phương thức hiện đại, chuyên nghiệp giúp giảm thiểu tối đa chi phí về tài chính và thời gian cho cổ đông. BSI luôn cập nhật, lưu giữ thông tin cổ đông một cách chính

xác, đầy đủ; gửi báo cáo về danh sách cổ đông theo định kỳ hoặc theo yêu cầu Công ty; đảm bảo tuyệt đối về an toàn dữ liệu.

Đội ngũ nhân viên môi giới có kinh nghiệm, hiểu biết sâu sắc về thị trường chứng khoán Việt Nam và ngày càng chuyên nghiệp hơn trong việc tư vấn đầu tư cho khách hàng.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI

Năm 2012, giá trị giao dịch hoạt động môi giới chứng khoán của BSI đạt 5.475.450.189.000 đồng, số tài khoản mở mới trong năm 2012 là 215 tài khoản, số tài khoản mở lũy kế tính đến hết 2012 là 13.533 tài khoản. Công ty luôn tăng cường nâng cao chất lượng dịch vụ, chăm sóc khách hàng, hoàn thiện cơ sở hạ tầng, liên tục nâng cấp phần mềm dịch vụ và đa dạng hóa các hình thức phục vụ khách hàng: Giao dịch online giao dịch tại sàn, đặt lệnh qua điện thoại, và tư vấn online... Thị phần môi giới năm 2012 tại hai sàn HOSE và HNX đạt 0,97%, tăng 56% so với năm 2011.

BSI tiếp tục củng cố mạng lưới hoạt động tại TP. HCM và chi nhánh Hà Nội nhằm duy trì và phát triển ổn định, nâng cao uy tín với khách hàng.

DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

BSI cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp đa dạng, bao gồm:

Tư vấn phát hành chứng khoán (cổ phiếu, trái phiếu) để giúp doanh nghiệp huy động vốn thông qua thị trường chứng khoán với các phương thức: Phát hành cổ phiếu ra công chúng (IPO), phát hành cổ phiếu riêng lẻ; Phát hành trái phiếu doanh nghiệp, phát hành cổ phiếu để tăng vốn, chia cổ tức, cổ phiếu thưởng, phát hành cho đối tác chiến lược...

Tư vấn niêm yết: Ngoài việc tư vấn niêm yết chứng khoán trên sàn HOSE và HNX, BSI còn tư vấn niêm yết chứng khoán trên sàn Upcom. Bên cạnh đó còn tư vấn dữ liệu hồ sơ, chiến lược trước khi niêm yết, tư vấn mục tiêu, tư vấn quản trị công ty trước và sau khi niêm yết.

Tư vấn cổ phần hóa: Tư vấn doanh nghiệp nhà nước chuyển đổi sang cổ phần – Tư vấn sắp xếp lại doanh nghiệp nhằm cổ phần hóa đáp ứng chủ trương của Nhà nước, Tư vấn thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp...

Tư vấn chuyển đổi loại hình doanh nghiệp: BSI song hành cùng các doanh nghiệp nhà nước và các công ty tư nhân trong việc tư vấn cổ phần hóa, chuyển đổi mô hình hoạt động nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Dịch vụ tư vấn chuyển đổi loại hình doanh

ng nghiệp của BSI được thiết kế toàn diện phù hợp và đáp ứng nhu cầu của từng khách hàng.

Tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp: Để đáp ứng quy định của Bộ tài chính trong công tác xác định giá trị doanh nghiệp, BSI đã ký hợp đồng liên danh với các công ty thẩm định giá được Bộ tài chính cấp phép xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa hàng năm, các doanh nghiệp này là các doanh nghiệp có bề dày kinh nghiệm, có uy tín và quy mô lớn nhằm mang đến cho khách hàng kết quả thẩm định giá tin cậy, chính xác, đúng quy định của Bộ tài chính trong công tác cổ phần hóa và bán vốn nhà nước.

Tư vấn tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp

Tư vấn M&A: BSI cung cấp đa dạng các dịch vụ M&A như: sáp nhập và chia tách, liên minh chiến lược, thoái đầu tư, bao gồm cả dịch vụ tư vấn xác định giá trị của giao dịch, thương lượng các điều khoản cho bên mua và bên bán, ích lợi cộng hưởng sau sáp nhập...

Cùng các dịch vụ tư vấn khác như: Bảo lãnh phát hành chứng khoán, Tư vấn tổ chức đại hội cổ đông, Tư vấn xây dựng quy trình công bố thông tin, Tư vấn phương hướng xử lý khủng hoảng thông tin, Tư vấn xây dựng báo cáo thường niên.

KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC CỦA CÁC DỊCH VỤ TƯ VẤN

Năm 2012, Phòng Tư vấn tài chính doanh nghiệp tiếp tục thực hiện các dịch vụ tư vấn đa dạng về tài chính nhằm mở rộng đối tượng khách hàng nhằm đưa hình ảnh của BSI đến nhiều hơn với các khách hàng. Tuy nhiên năm 2012 tiếp tục là năm bất lợi với thị trường tài chính chứng khoán thế giới và Việt Nam nên nhu cầu sử dụng dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp chưa thật sự nhiều. Thị trường chứng khoán đi theo xu hướng giảm điểm suốt năm 2012 vừa qua với khối lượng giao dịch và thanh khoản rất kém. Hai sở giao dịch chứng khoán của Việt Nam với mục tiêu hơn 60 doanh nghiệp niêm yết trong năm 2012 đã có thể nói không thể thực hiện được khi đến lúc này số doanh nghiệp niêm yết trên cả hai sàn trong năm chỉ khoảng chục doanh nghiệp. Các doanh nghiệp rất khó khăn với việc huy động vốn mới do việc các tổ chức và các nhà đầu tư không đăng ký tham gia, các đợt bán vốn và huy động vốn của các doanh nghiệp thường không thành công.

Do các doanh nghiệp hầu như không có nhu cầu nhiều trong việc niêm yết trong năm 2012 do tình hình kinh doanh thời gian qua không tốt trong bối cảnh chung ảm đạm của nền kinh tế nên việc tiếp cận với các doanh nghiệp có ý định niêm yết là rất khó khăn. Phòng tư vấn đã chủ động tìm kiếm các khách hàng có nhu cầu thoái vốn ở những doanh nghiệp có vốn nhà nước để

mở rộng quan hệ, tìm kiếm thị trường mới. Trên cơ sở sự hỗ trợ của Ban lãnh đạo Công ty cùng với sự nỗ lực của đội ngũ nhân sự bộ phận tư vấn BSI cũng đã nhận được sự tin tưởng của các khách hàng và đã thực hiện được một số hợp đồng tiêu biểu để đưa hình ảnh của tư vấn Công ty đến nhiều hơn với các khách hàng.

Trong năm 2012, phòng tư vấn đã thực hiện 6 hợp đồng tư vấn gồm 01 hợp đồng tư vấn tăng vốn và niêm yết, 02 hợp đồng tư vấn chào bán vốn cho cổ đông chiến lược và 03 hợp đồng bán vốn có liên quan đến vốn nhà nước. Các khách hàng tiêu biểu gồm: Cty CP Lương thực thực phẩm, Tập đoàn Intimex, Tổng Cty Điện tử và Tin học Việt Nam, Cty CP Dịch vụ Viễn thông và In bưu điện, Cty CP Công trình Đô thị Tây Ninh...

Trên cơ sở những nhận định của các chuyên gia và kế hoạch quy mô của chính phủ được Quốc hội thông qua thì năm 2013 có thể vẫn tiếp tục là năm khó khăn chung của nền kinh tế Việt Nam và thị trường tài chính chứng khoán sẽ tiếp tục được đặt dưới những thử thách lớn. Do đó phòng tư vấn tài chính doanh nghiệp cũng sẽ nỗ lực nhiều hơn trong việc nâng cao trình độ nghiệp vụ, cải thiện quy trình nội bộ và đưa ra những chính sách mới để tiếp cận với khách hàng nhằm đạt được những mục tiêu của Công ty.

THÀNH TỰU KHÁC

Năm 2012, BSI nâng cao số lượng và chất lượng sản phẩm phân tích để cung cấp cho nhà đầu tư như phân tích tuần, phân tích ngành, phân tích theo yêu cầu của nhà đầu tư. Các sản phẩm nghiên cứu, phân tích này cũng được các kênh truyền thông đánh giá cao về độ tin cậy và khách quan nhằm sử dụng làm thông tin tham chiếu cho độc giả.

Các sản phẩm nghiên cứu, phân tích là công cụ hỗ trợ đắc lực và hiệu quả cho hoạt động của phòng môi giới trong việc cung cấp các thông tin quan trọng của thị trường cũng như tình hình cổ phiếu cho các nhà đầu tư. Các kết quả mà BSI đạt được trong việc ký kết thành công các hợp đồng tư vấn không thể thiếu sự phân tích, đánh giá nhằm nắm bắt dễ dàng thông tin doanh nghiệp, năng lực hoạt động, tình hình tài chính, tiềm năng phát triển của các công ty cần tư vấn và tiết kiệm được thời gian trong quá trình tư vấn doanh nghiệp.

Hiện nay, BSI cung cấp hầu như đầy đủ các sản phẩm phân tích, trong tương lai sẽ hoàn thiện báo cáo phân tích với hai ngôn ngữ Việt, Anh, hỗ trợ thông tin tham vấn tốt nhất cho khách hàng tổ chức cũng như khách

hàng cá nhân góp phần gia tăng giá trị gia tăng cho khách hàng khi giao dịch tại BSI. Hệ thống sản phẩm nghiên cứu, phân tích mà BSI đang cung cấp bao gồm báo cáo phân tích thị trường theo ngày, tuần; báo cáo phân tích công ty, báo cáo ngành...

Bên cạnh đó, BSI liên danh cung cấp dịch vụ thẩm định giá cho các tổ chức tài chính, các quỹ đầu tư, các nhà đầu tư cá nhân trong nước và ngoài nước bao gồm: Định giá doanh nghiệp chưa niêm yết; Định giá cổ phiếu, định giá thương hiệu, định giá lợi thế thương mại, tác quyền, định giá bất động sản, Công ty áp dụng các phương pháp định giá tiến tiến trên thế giới, được nhiều quốc gia chấp nhận sử dụng, phù hợp với các thị trường đang phát triển như Việt Nam.

Với dịch vụ tư vấn tài chính dự án, BSI thực hiện lập kế hoạch tài chính cho các dự án triển khai, các dự án có nhu cầu huy động vốn và cho các mục đích quản trị tài chính khác; lập dự báo luồng tiền chi tiết cho mục đích phân tích, định giá doanh nghiệp; lập dự án đầu tư nhằm phục vụ quá trình đầu tư, mua bán và sáp nhập doanh nghiệp...



Sàn giao dịch - Công ty cổ phần chứng khoán Beta

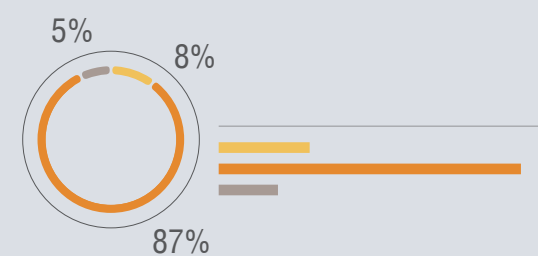


TÌNH HÌNH NHÂN SỰ

Tính đến cuối năm 2012, BSI có 76 cán bộ nhân viên đang công tác.

Trong đó:

Trình độ trên Đại học chiếm 8%, Đại học chiếm 87% và dưới Đại học là 5%



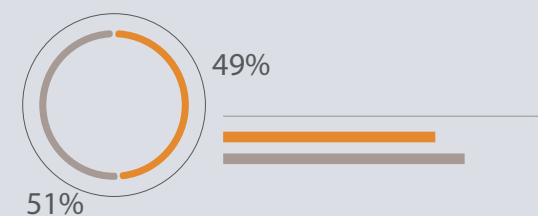
Trình độ học vấn 2012

Tổng nhân sự 100%

Trình độ trên đại học 8%

Đại học 87%

Dưới đại học 5%



Giới tính 2012

Tổng nhân sự 100%

Giới tính Nam 49%

Giới tính Nữ 51%

CHÍNH SÁCH NHÂN VIÊN

BSI luôn tuân thủ và thực hiện đúng các quy định chung về việc chi trả lương, tất cả CBNV đều được tham gia chương trình bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, lương tháng 13, các chương trình thưởng trong các dịp lễ tết (30/4, 2/9...). Cán bộ nhân viên còn được hưởng chế độ hỗ trợ làm việc như: hỗ trợ bữa ăn hàng ngày, cấp phát đồng phục, có chế độ nghỉ mát hàng năm, tổ chức sinh nhật định kỳ hàng tháng cùng với một số ưu đãi nội bộ khác.

BSI luôn xác định con người là nòng cốt cho sự

phát triển, vì thế công ty luôn chú trọng nâng cao chất lượng đội ngũ nguồn nhân lực thông qua chương trình xây dựng hệ thống đánh giá và chuẩn hóa năng lực, kết hợp với việc đánh giá hiệu quả công việc để có chế độ bồi dưỡng, phát triển nghề nghiệp và khen thưởng kịp thời, hợp lý.

Tất cả nhân viên đều có cơ hội tham dự các lớp huấn luyện đào tạo nghiệp vụ theo nhu cầu công việc bên trong và bên ngoài và được công ty tài trợ toàn bộ chi phí.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂM 2013

MỤC TIÊU

Công ty sẽ vẫn kiên định lập trường hướng tới phát triển ổn định và bền vững, phấn đấu vươn lên trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam, nổi bật về thương hiệu, uy tín về chất lượng và hiệu quả trong hoạt động.

ĐỊNH HƯỚNG

Tình hình thị trường chứng khoán năm 2013 được dự báo sẽ còn tồn tại không ít khó khăn, song thị trường cũng sẽ tạo ra không ít cơ hội kinh doanh. Vì thế, BSI tiếp tục tạo cơ hội phát triển cho nhân sự công ty nâng cao năng lực của mình, hướng đến xây dựng đội ngũ CBNV trình độ, chuyên nghiệp, thân thiện, đạo đức nghề nghiệp và tinh thần trách nhiệm cao.

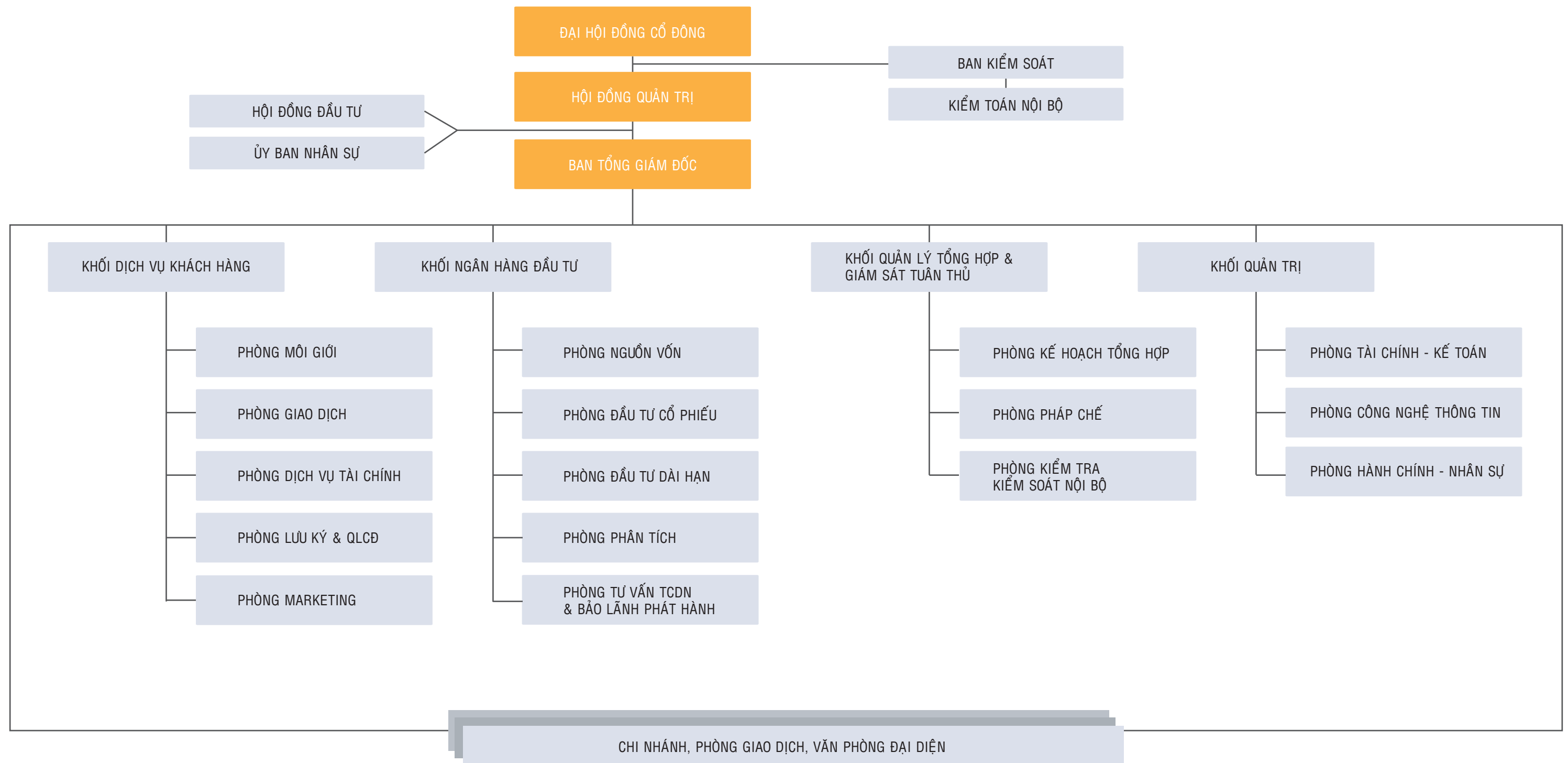
Năm 2013 của BSI phấn đấu đạt kết quả kinh doanh tốt nhằm đáp ứng được kỳ vọng gia tăng cổ tức của các cổ đông. Chú trọng chất lượng dịch vụ đi kèm với củng cố mạng lưới hoạt động; đề cao công tác giám sát – kiểm tra, minh bạch hóa các quy trình thực hiện; nâng cấp và hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin nhằm phục vụ cho quá trình giao dịch của nhà đầu tư nhanh chóng, tiện ích và bảo mật; phát triển sản phẩm đa dạng nhằm đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH KẾ HOẠCH 2013

STT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2012	THỰC HIỆN 2013
1	Doanh thu trước thuế	158,663,055,028	64,850,000,000
2	Chi phí	152,152,664,517	28,167,000,000
2.1	Chi phí hoạt động kinh doanh (gồm chi phí lãi vay và chi phí khác)	131,043,288,435	7,740,000,000
2.2	Chi phí quản lý doanh nghiệp	21,109,376,082	20,427,000,000
3	Lợi nhuận trước thuế	6,510,390,511	36,683,000,000
4	Thuế TNDN (25%)	-	9,170,750,000
5	Lợi nhuận sau thuế của HĐKD	6,510,390,511	27,512,250,000
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế (%)	1,63%	07%

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

Bộ máy tổ chức của BSI bao gồm Hội sở, các Chi nhánh, Phòng giao dịch, Văn phòng đại diện. Tổ chức bộ máy được cấu trúc làm 4 khối: Dịch vụ khách hàng, Đầu tư, Quản lý tổng hợp & Giám sát tuân thủ, Quản trị.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ÔNG NGUYỄN VĂN CỰU
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Cựu đã có 20 năm kinh nghiệm về quản trị và đầu tư trong hoạt động trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng – Chứng khoán. Ông Nguyễn Văn Cựu tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị kinh doanh của Hoa Kỳ, Cử nhân Tài chính – Ngân hàng và Cử nhân Luật.



ÔNG LÊ HỮU PHÚ
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Lê Hữu Phú là thành viên Hội đồng quản trị độc lập không tham gia vào hoạt động điều hành của BSI. Ông có nhiều năm kinh nghiệm trong điều hành tổ chức kiểm toán độc lập. Với 19 năm là kinh nghiệm thực tiễn ông tham gia đầu tư thành công trong hoạt động Ngân hàng, Bảo hiểm, Bất động sản và Chứng khoán.



BÀ NGUYỄN THỊ MINH QUANG
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Bà Nguyễn Thị Minh Quang là thành viên Hội đồng quản trị tham gia vào hoạt động điều hành của BSI. Bà là người am hiểu sâu sắc và có nhiều năm kinh nghiệm đảm trách hoạt động quản trị tài chính cho nhiều doanh nghiệp. Bà Nguyễn Thị Minh Quang tốt nghiệp thạc sĩ Quản trị kinh doanh và Cử nhân tài chính tại Hoa Kỳ.



ÔNG NGUYỄN VĂN THIÊN
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Nguyễn Văn Thiên có nhiều năm kinh nghiệm trong hoạt động thẩm định và phân tích tài chính doanh nghiệp thuộc nhiều lĩnh vực, đặc biệt là thâm niên trong hoạt động quản trị và điều hành doanh nghiệp.

BAN KIỂM SOÁT

Bao gồm 03 thành viên:

Ông: TÔN THẮT LÂM KHÁNH

Trưởng ban

Ông: NGUYỄN THIÊN CHƯƠNG

Thành viên

Bà: NGUYỄN THỊ THIỆN TÂM

Thành viên

Với kiến thức và kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực tài chính, các thành viên Ban kiểm soát luôn xác định được vai trò trách nhiệm thực hiện kiểm soát các hoạt động của Công ty theo quy định nhằm bảo vệ lợi ích cao nhất cho các Cổ đông của Công ty. Trong suốt nhiệm kỳ qua, Ban kiểm soát đã nỗ lực giám sát hoạt động kinh doanh, phát hiện và ngăn chặn kịp thời những sai phạm, sai sót nhằm đảm bảo hoạt động công ty theo đúng quy định pháp luật và điều lệ công ty cũng như thực hiện các nghị quyết ĐHĐCĐ đề ra hàng năm. Đồng thời Ban kiểm soát cũng tham gia đầy đủ các phiên họp của vữa HĐQT, kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động, tích cực tham gia đóng góp ý kiến cũng như thường xuyên có những kiến nghị kịp thời hoàn thiện chính sách, quy trình, quy chế, nâng cao năng lực quản trị điều hành và ngăn ngừa rủi ro trong hoạt động của BSI.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



ÔNG HUỖNH VĂN TỐT
Tổng giám đốc

Ông Huỳnh Văn Tốt có gần 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính- ngân hàng và đã từng giữ nhiều chức vụ quản trị, điều hành tại các tổ chức tài chính – ngân hàng lớn tại Việt Nam. Ông Huỳnh Văn Tốt là Tổng Giám đốc của BSI từ 09/2012.



BÀ NGUYỄN THỊ MINH QUANG
Phó Tổng giám đốc

Bà Nguyễn Thị Minh Quang tốt nghiệp MBA và Cử nhân tài chính Hoa Kỳ, là người am hiểu sâu sắc và có nhiều kinh nghiệm trong việc quản trị tài chính doanh nghiệp. Bà Nguyễn Thị Minh Quang là Phó Tổng Giám Đốc của BSI từ năm 2011.



BÀ TRẦN THỊ BÔNG
Phó Tổng giám đốc

Bà Trần Thị Bông là Nhân sự thuộc thế hệ đầu tiên của BSI từ năm 2007. Bà có 10 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực pháp luật. Bên cạnh đó, bà còn là thành viên tích cực của Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần Thị Bông là Phó Tổng Giám đốc của BSI từ 11/2012.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được trình bày trên Báo cáo tài chính từ trang 06 đến trang 39 kèm theo.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Cự	Chủ tịch
Ông Lê Hữu Phú	Phó chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Minh Quang	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thiên	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Tôn Thất Lâm Khánh	Trưởng ban
Ông Nguyễn Thiên Chương	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thiện Tâm	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Huỳnh Văn Tốt	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 18/09/2012)
Ông Nguyễn Văn Thiên	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 18/09/2012)
Bà Nguyễn Thị Minh Quang	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Bông	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 06/11/2012)

Kế toán trưởng của Công ty là Ông Nguyễn Hữu Trường.

Ngoài lương và các khoản phụ cấp theo lương, không một thành viên nào trong Hội đồng Quản trị hoặc Ban Tổng Giám đốc có bất kỳ một khoản thu nhập nào khác từ một hợp đồng ký với Công ty hay một bên liên quan.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính của mình phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm. Để đảm bảo được tính trung thực và hợp lý của báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc của Công ty đảm bảo:

- * Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- * Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- * Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trong yếu tố đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- * Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC;
- * Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà Nước. Đồng thời có trách nhiệm bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

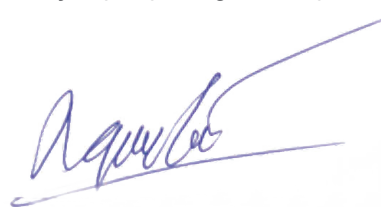
CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và quy định về quản trị Công ty tại Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012 của Bộ Tài chính về việc Quy định quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty Đại chúng.

CÔNG BỐ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



NGUYỄN VĂN CỰ

CHỦ TỊCH

Tp.HCM, ngày 22 tháng 03 năm 2013

Thay mặt Ban Tổng giám đốc



HUYỄN VĂN TỐT

TỔNG GIÁM ĐỐC

Số: 25/2013/UHYHCM-BCKTĐL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA

Kính gửi : Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng Khoán BETA (sau đây gọi tắt là “Công ty”) bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày. Báo cáo tài chính của Công ty được lập ngày 22/03/2013, trình bày từ trang 06 đến trang 39 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên
Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc ở trang 2 và 3, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính này dựa trên công tác kiểm toán của chúng tôi. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học TP.Hồ Chí Minh với ý kiến chấp nhận toàn phần theo báo cáo kiểm toán số 06.11.427/AISC-DN4 ngày 15/03/2012.

Cơ sở ý kiến kiểm toán
Chúng tôi đã được thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Tuy nhiên, công tác kiểm toán của chúng tôi bị hạn chế bởi các vấn đề sau:

Hạn chế về phạm vi kiểm toán
Tại ngày 31/12/2012, Công ty chưa xem xét trích lập dự phòng giảm giá đầu tư đối với các khoản đầu tư tài chính

dài hạn. Chúng tôi cũng chưa thu nhập được báo cáo tài chính của các bên nhận đầu tư này để làm cơ sở đánh giá giá trị của các khoản đầu tư dài hạn của Công ty tại ngày 31/12/2012. Do đó, chúng tôi không có đủ cơ sở để đánh giá ảnh hưởng của việc chưa xem xét lập dự phòng giảm giá đầu tư này tới khoản mục đầu tư dài hạn cũng như ảnh hưởng của nó đến các chi tiêu có liên quan trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng của các hạn chế nêu trên đến Báo cáo tài chính, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA tại ngày 31/12/2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 và Thông tư số 162/TT-BTC ngày 20/10/2012 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC và các Quy định hiện hành khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tại Việt Nam.



Tô Thị Thanh Nga
Phó Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1189/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
TP.Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2013

Phạm Thị Kim Nga
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1609/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TÀI SẢN)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2,152,630,799,207	2,046,040,715,726
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	18,888,334,525	92,600,585,139
Tiền	111		18,888,334,525	92,600,585,139
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	87,233,199,189	127,388,771,423
Đầu tư ngắn hạn	121	5.3	106,861,894,429	131,403,631,880
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	5.1	(19,628,695,240)	(4,014,860,457)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	6	2,045,404,021,391	1,824,966,352,472
Phải thu của khách hàng	131		10,269,450	-
Trả trước cho người bán	132		159,639,000	403,400,608
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	6.1	23,193,164,574	29,306,446,628
Các khoản phải thu khác	138		2,037,371,900,917	1,798,060,005,236
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	6.2	(15,330,952,550)	(2,803,500,000)
Hàng tồn kho	140		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		1,105,244,102	1,085,006,692
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		331,755,279	674,423,239
Tài sản ngắn hạn khác	158		773,488,823	410,583,453

TÀI SẢN DÀI HẠN	200		163,353,757,364	211,860,283,702
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		7,101,561,157	9,399,672,141
Tài sản cố định hữu hình	221	9	5,176,973,472	7,490,191,410
Nguyên giá	222		20,098,848,384	19,993,548,805
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14,921,874,912)	(12,503,357,395)
Tài sản cố định vô hình	227	10	1,924,587,685	1,909,480,731
Nguyên giá	228		4,307,000,321	3,530,308,801
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2,382,412,636)	(1,620,828,070)
Bất động sản đầu tư	240	11	2,167,471,100	3,514,818,000
Nguyên giá	241		3,514,818,000	3,514,818,000
Giá trị hao mòn lũy kế	242		(1,347,346,900)	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5	150,627,125,000	194,827,803,682
Đầu tư chứng khoán dài hạn	253	5.3	25,824,000,000	29,574,000,000
Đầu tư dài hạn khác	258	5.4	124,803,125,000	166,003,803,682
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	5.1	-	(750,000,000)
Tài sản dài hạn khác	260		3,457,600,107	4,117,989,879
Chi phí trả trước dài hạn	261		446,597,761	1,227,439,628
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	7	2,010,927,346	1,500,739,651
Tài sản dài hạn khác	268	8	1,000,075,000	1,389,810,600
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2,315,984,556,571	2,257,900,999,428

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (NGUỒN VỐN)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012
NỢ PHẢI TRẢ	300		1,900,764,447,897	1,849,758,468,806
Nợ ngắn hạn	310		1,439,703,447,897	849,523,468,806
Vay và nợ ngắn hạn	311	12	223,793,465,064	417,324,000,000
Phải trả người bán	312		41,131,376	3,401,074,480
Người mua trả tiền trước	313		22,000,000	15,000,000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	491,308,235	1,152,687,056
Phải trả người lao động	315	14	755,419,895	660,643,333
Chi phí phải trả	316	15	28,972,222,222	26,402,328,767
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	1,176,903,561,580	374,586,891,442
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		7,183,137,685	23,246,380,000
Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		7,458,695	26,810,080
Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		3,000,000	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		289,564,000	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328	17	1,241,179,145	2,707,653,648
Nợ dài hạn	330		461,061,000,000	1,000,235,000,000
Vay và nợ dài hạn	334		461,061,000,000	

VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		415,220,108,674	408,142,530,622
Vốn chủ sở hữu	410	18	415,220,108,674	408,142,530,622
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		400,000,000,000	400,000,000,000
Quỹ đầu tư phát triển	417		1,417,993,257	1,128,429,257
Quỹ dự phòng tài chính	418		289,564,000	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		289,564,000	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		13,222,987,417	7,014,101,365
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2,315,984,556,571	2,257,900,999,428

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Tại 31/12/ 2012	Tại 01/01/ 2012
Chứng khoán lưu ký	006	1,815,004,830,000	654,494,220,000
<i>Trong đó:</i>			
Chứng khoán giao dịch	007	1,455,918,620,000	541,297,750,000
Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	45,413,300,000	21,290,000
Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	1,409,759,430,000	528,433,560,000
Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	745,890,000	12,842,900,000
		-	-
Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	2,205,460,000	58,960,490,000
Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	2,205,460,000	58,960,490,000
		-	-
Chứng khoán cầm cố	017	297,643,000,000	31,420,000,000
Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019	297,643,000,000	31,420,000,000
		-	-
Chứng khoán chờ thanh toán	027	12,460,500,000	21,181,200,000
Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	12,460,500,000	21,181,200,000

Chứng khoán phong toả chờ rút	032	1,935,000,000	-
Chứng khoán phong toả chờ rút của khách hàng trong nước	034	1,935,000,000	-
Chứng khoán chờ giao dịch	037	123,440,000	1,634,780,000
Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038	210,000	-
Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	123,230,000	1,634,780,000
Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	042	44,718,810,000	-
Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của KH trong nước	044	44,718,810,000	-



HUYỀN VĂN TỐT
TỔNG GIÁM ĐỐC
Tp.HCM, ngày 22 tháng 03 năm 2013

NGUYỄN HỮU TRƯỜNG
KẾ TOÁN TRƯỞNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
Doanh thu	01	19	381,777,519,990	293,191,678,809
Trong đó:				
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		9,801,621,320	5,138,129,800
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		82,125,030,366	43,073,475,955
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		182,286,566	828,045,455
Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		49,903,030	732,181,816
Doanh thu khác	01.9		289,618,678,708	243,419,845,783
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20	30,997,724	461,354,660
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		381,746,522,266	292,730,324,149
Thu lãi đầu tư	13		-	-
DOANH THU TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN VÀ LÃI ĐẦU TƯ	14		381,746,522,266	292,730,324,149
Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	11	21	341,893,265,249	262,691,953,506
Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		39,853,257,017	30,038,370,643
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	22	32,634,629,679	23,228,751,621
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7,218,627,338	6,809,619,022
Thu nhập khác	31		148,514,731	2,564,437
Chi phí khác	32		17	550,074
Lợi nhuận ngoài khác	40		148,514,714	2,014,363
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7,367,142,052	6,811,633,385
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	-	1,020,345,263
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7,367,142,052	5,791,288,122
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		184	145



HUYỀN VĂN TỐT
TỔNG GIÁM ĐỐC

Tp.HCM, ngày 22 tháng 03 năm 2013

NGUYỄN HỮU TRƯỜNG
KẾ TOÁN TRƯỞNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2012	2011
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	1		7,367,142,052	6,811,633,385
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ	2		4,527,448,983	3,712,448,862
Các khoản dự phòng	3		27,391,287,333	1,016,959,138
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	5		(82,380,601,340)	(34,544,707,231)
Chi phí lãi vay	6		312,821,696,399	245,172,507,828
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		269,726,973,427	222,168,841,982
Tăng/Giảm các khoản phải thu	11		731,197,294,055	(71,249,687,593)
Tăng/Giảm các khoản phải trả	12		1,123,509,827	10,345,238,682
Tăng/Giảm chi phí trả trước	13		(238,201,095,444)	(218,770,179,061)
Tiền lãi vay đã trả	14		(1,020,345,263)	(2,927,702,626)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		5,441,824,930	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		(5,759,593,368)	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	20		529,180,541,325	(554,652,927,321)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		(892,521,057)	(1,122,150,455)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22		-	2,545,455
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(202,026,971,800)	(118,829,799,990)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		271,191,037,651	176,020,274,845
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		49,788,253,190	2,730,252,333
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		118,059,797,984	58,801,122,188
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	100,000,000,000
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		200,000,000,000	1,354,115,000,000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(920,952,589,923)	(892,889,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(720,952,589,923)	561,226,000,000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(73,712,250,614)	65,374,194,867
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		92,600,585,139	27,226,390,272
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	18,888,334,525	92,600,585,139



HUYỀN VĂN TỐT
TỔNG GIÁM ĐỐC

Tp.HCM, ngày 22 tháng 03 năm 2013

NGUYỄN HỮU TRƯỜNG
KẾ TOÁN TRƯỞNG

A background image of a forest path with a white line tracing the path's edge. The path is on the left side of the image, and the white line follows its curve. The rest of the image is a solid light gray color.

Đầu tư chứng khoán là một nghệ thuật chứ không phải là khoa học, và những ai cứ cố gắng lượng hóa mọi thứ một cách cứng nhắc sẽ gặp nhiều bất lợi.

Investing in stocks is an art, not a science, and people who've been trained to rigidly quantify everything have a big disadvantage.

Peter Lynch

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập tại Việt Nam, theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 67/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 06/12/2007 và Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 113/GPĐC-UBCK ngày 18/09/2012.

Tổng vốn điều lệ của Công ty là 400.000.000.000 đồng, chia thành 40.000.000 cổ phần, không có cổ phần ưu đãi, mệnh giá 10.000 đồng/1 cổ phần.

Trụ sở chính: Số 16 Nguyễn Trường Tộ, Phường 12, Quận 4, TP Hồ Chí Minh. Tại ngày 31/12/2012, Công ty có 01 chi nhánh: Chi nhánh Hà Nội, đặt tại tầng 5, số 27 Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Tổng số nhân viên năm 2012 của Công ty là 75 người (năm 2011 là 80 người).

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam (Công ty tuân thủ Chế độ kế toán công ty chứng khoán ban hành kèm theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính, Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 sửa đổi bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC) và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kế thúc ngày 31/12/2011 ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến việc áp dụng Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/11/2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Theo đó, Công ty đã bổ sung thêm thuyết minh số 24 trình bày về vấn đề này.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Tiền và các khoản tương đương tiền cũng bao gồm các khoản tiền gửi để kinh doanh chứng khoán của nhà đầu tư.

3.4 ĐẦU TƯ NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Đầu tư tài chính ngắn hạn là những chứng khoán giữ cho mục đích kinh doanh (cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu repo và trái phiếu chuyển đổi) được ghi nhận theo giá

gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc.

Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết, góp vốn vào các công ty cổ phần nắm giữ dưới 20% vốn, được ghi nhận ban đầu theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá gốc chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân liên hoàn để tính giá vốn cổ phiếu bán ra.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”. Cụ thể như sau:

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán:

Dự phòng giảm giá đối với các khoản đầu tư chứng khoán được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với chứng khoán đã niêm yết: giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá thực tế; tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá bình quân tại ngày trích lập dự phòng; tại Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

- Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán, giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định như sau:

Đối với các Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các Công ty đại chúng chưa niêm yết (upcom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên

hệ thống tại ngày lập dự phòng.

Đối với các Công ty chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các Công ty đại chúng thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

Trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán thì các doanh nghiệp không được trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

Đối với những chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất. Tại ngày 31/12/2012, Công ty chưa xem xét trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán, gồm: Quỹ đầu tư chứng khoán Bản Việt và Quỹ đầu tư chứng khoán y tế Bản Việt.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn:

Các khoản vốn doanh nghiệp đang đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác được thành lập theo quy định của pháp luật như công ty nhà nước, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh... và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác phải trích lập dự phòng nếu tổ chức kinh tế mà doanh nghiệp đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

Tại ngày 31/12/2012, Công ty chưa xem xét trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, xét xử đang thi hành án hoặc chết. Chi phí dự phòng được hạch toán vào “chi phí quản lý doanh nghiệp” trong kỳ. Đối với các khoản phải thu quá hạn thanh toán, Công ty trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số

228/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07/12/2009.

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Số năm khấu hao (năm)

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 10
Máy móc, thiết bị	3 – 7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	2 – 10
Phần mềm	3
Thiết bị dụng cụ quản lý	2 – 5
Tài sản cố định khác	1 - 5

3.7 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ VÀ KHẤU HAO BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư là giá trị nhà do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản trong vòng 10 năm.

3.8 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Chi phí phải trả của Công ty là khoản trích trước chi phí lãi trái phiếu tính lũy kế từ thời điểm phát hành trái

phiếu đến ngày 31/12/2012.

3.9 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

3.10 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu của Công ty được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty xác định khả năng chắc chắn thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này: khi giao dịch chứng khoán đã thành công, dịch vụ đã cung cấp và chuyển giao phần lớn lợi ích cũng như rủi ro cho khách hàng, được khách hàng thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán hoặc được khấu trừ vào tiền thu bán chứng khoán của khách hàng.

Giao dịch chứng khoán được coi là thành công khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch khớp lệnh và kết quả thanh toán bù trừ chứng khoán của Trung tâm giao dịch chứng khoán (đối với chứng khoán niêm yết) hay khi thoả thuận về chuyển giao tài sản theo Hợp đồng chuyển nhượng chứng khoán được hoàn tất (đối với chứng khoán không niêm yết).

Doanh thu môi giới chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi giao dịch của nhà đầu tư được coi là thành công, Công ty thực nhận được tiền phí môi giới từ khách hàng.

Doanh thu quản lý danh mục đầu tư

Doanh thu từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo giá trị thoả thuận hoặc theo phương pháp tính toán ghi trên từng hợp đồng. Doanh thu được ghi nhận hàng kỳ trên cơ sở phân bổ doanh thu của hợp đồng theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn hợp đồng.

Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Tỷ lệ hoàn thành được đánh giá dựa trên việc xem xét các công việc đã được thực hiện trong toàn bộ cam kết hoặc nghĩa vụ của Công ty đối với khách hàng.

Doanh thu về vốn kinh doanh

Doanh thu về vốn kinh doanh phản ánh thu nhập từ lãi tiền gửi ngân hàng, lãi tiền gửi tiết kiệm và kỳ phiếu ngân hàng, được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích và được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi ngân hàng, tiền gửi tiết kiệm và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ của các ngân hàng.

Doanh thu từ hoạt động đầu tư

Lợi nhuận được chia từ các hoạt động đầu tư ra bên ngoài dưới hình thức đầu tư chứng khoán dài hạn hoặc đầu tư dài hạn khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh khi có bằng chứng xác thực về quyền được nhận cổ tức, số lãi được chia. Ngoài ra, doanh thu từ hoạt động đầu tư cũng bao gồm cổ tức hoặc lãi trái phiếu mà Công ty được chia trong thời gian nắm giữ các loại chứng khoán ngắn hạn.

3.11 GHI NHẬN CHI PHÍ

Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán bao gồm: khoản lỗ bán chứng khoán tự doanh, các chi phí thực tế phát sinh có liên quan đến việc thực hiện doanh thu của các hoạt động môi giới chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư, tư vấn đầu tư chứng khoán và các hoạt động khác. Chi phí phát sinh trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng năm tài chính. Căn cứ

vào thời điểm ghi nhận doanh thu nêu trên, Công ty kết chuyển chi phí kinh doanh chứng khoán tương ứng để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

3.12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN THANH TOÁN VỚI NGÂN SÁCH

Thuế Giá trị gia tăng

Áp dụng theo Thông tư số 06/2012/TT- BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 10/01/2012 áp dụng từ ngày 01/03/2012. Theo thông tư này thì kinh doanh chứng khoán bao gồm: môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán, quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý công ty đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, dịch vụ tổ chức thị trường của các sở hoặc trung tâm giao dịch chứng khoán, dịch vụ liên quan đến chứng khoán đăng ký, lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, cho khách hàng vay tiền để thực hiện giao dịch ký quỹ, ứng trước tiền bán chứng khoán và các hoạt động kinh doanh khác theo quy định của Bộ Tài chính sẽ thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm được tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp khoản thuế phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, khi đó khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, áp dụng mức thuế suất hiện hành tại ngày kết thúc năm tài chính, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành Công ty đang áp dụng là 25%.

Việc xác định lợi nhuận chịu thuế căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/ 2012	01/01/ 2012
Tiền mặt	429,636,634	4,373,526,151
Tiền gửi ngân hàng	18,458,697,891	88,227,058,988
Trong đó:	-	-
+ Tiền gửi ngân hàng của Công ty		
+ Tiền ký quỹ của nhà đầu tư	14,623,453,519	83,348,447,686
Các khoản tương đương tiền	3,835,244,372	4,878,611,302
Cộng	18,888,334,525	92,600,585,139

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Tại 31/12/ 2012	Tại 01/01/ 2012
Đầu tư tài chính ngắn hạn	87,233,199,189	127,388,771,423
Chứng khoán thương mại (5.3)	106,861,894,429	131,403,631,880
+ Chứng khoán trên sàn Upcom	1,709,079	1,709,079
+ Chứng khoán niêm yết	106,860,134,550	1,830,915,111
+ Chứng khoán chưa niêm yết	50,800	129,571,007,690
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (5.1)	(19,628,695,240)	(4,014,860,457)
Đầu tư tài chính dài hạn	150,627,125,000	194,827,803,682
Chứng khoán sẵn sàng để bán (5.3)	25,824,000,000	29,574,000,000
+ Cổ phiếu OTC	-	3,750,000,000
+ Chứng chỉ quỹ	25,824,000,000	25,824,000,000
Đầu tư dài hạn khác (5.4)	124,803,125,000	166,003,803,682
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (5.1)	-	(750,000,000)
Cộng	237,860,324,189	322,216,575,105

5.1 CHI TIẾT DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Tại 31/12/ 2012	Tại 01/01/ 2012
Dự phòng giảm giá chứng khoán thương mại	19,628,695,240	4,014,860,457
Chứng khoán niêm yết	19,627,036,161	1,073,218,978
Cổ phiếu trên sàn Upcom	1,608,279	1,356,279
Chứng khoán chưa niêm yết	50,800	2,940,285,200
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	750,000,000
Chứng khoán sẵn sàng để bán	-	-
Cộng	19,628,695,240	4,764,860,457

5.2 GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM 2012

CHỈ TIÊU	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm
	CP	VND
Các giao dịch của công ty chứng khoán	12,076,384	211,022,396,800
Cổ phiếu	12,076,384	211,022,396,800
Trái phiếu	-	-
Chứng khoán khác	-	-
Các giao dịch của nhà đầu tư	462,965,019	7,526,850,299,000
Cổ phiếu	445,965,019	5,466,482,799,000
Trái phiếu	17,000,000	2,060,367,500,000
Chứng chỉ quỹ	-	-
Các giao dịch của người uỷ thác đầu tư	-	-
Cộng	475,041,403	7,737,872,695,800

5.3 TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

CHỈ TIÊU	SỐ LƯỢNG		GIÁ TRỊ THEO SỐ SÁCH KẾ TOÁN		GIÁ THỊ TRƯỜNG SO VỚI SỐ SÁCH				TỔNG GIÁ TRỊ THEO GIÁ THỊ TRƯỜNG		GHI CHÚ
	Tại 01/01/2012		Tại 31/12/2012		TĂNG		GIẢM		Tại 31/12/2012		
	CP	CP	VND	VND	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012	VND	VND	
I. Chứng khoán	4,541,351	13,223,715	106,861,894,429	131,403,631,880	1,283,335,811	341,867	19,628,695,240	4,014,860,457	88,516,535,000	127,389,113,290	
Chứng khoán mại	4,541,275	70,694	106,860,134,550	1,830,915,111	1,283,335,811	341,867	19,627,036,161	1,073,218,978	88,516,434,200	758,038,000	
Chứng khoán niêm yết	1,998	1,743	30,846,643	27,770,643	369,300	104,000	14,124,043	15,184,043	17,091,900	12,690,600	
Sàn GDCK Hà Nội	154	70	3,120,335	1,574,735	-	-	610,135	69,735	2,510,200	1,505,000	
ACB	76	76	1,669,236	1,669,236	-	-	772,436	1,015,636	896,800	653,600	
BVS	25	25	297,500	297,500	-	-	122,500	160,000	175,000	137,500	
DC4	81	81	1,220,300	1,220,300	-	-	928,700	936,800	291,600	283,500	
DCS	10	10	242,247	242,247	-	-	137,247	127,247	105,000	115,000	
HBD	3	3	46,200	46,200	-	-	25,500	27,300	20,700	18,900	
HDO	87	66	905,000	905,000	217,300	-	-	113,000	1,122,300	792,000	
HMH	14	14	106,400	106,400	-	4,200	12,600	-	93,800	110,600	
ICG	87	87	907,300	907,300	-	-	602,800	594,100	304,500	313,200	
MAC	156	80	3,453,200	2,670,400	-	-	1,503,200	1,886,400	1,950,000	784,000	
MIC	20	20	314,000	314,000	-	-	54,000	178,000	260,000	136,000	
NGC	7	7	224,000	224,000	-	-	91,000	49,000	133,000	175,000	
NHC	85	71	1,675,000	1,675,000	-	-	289,500	730,700	1,385,500	944,300	
PLC	70	70	630,000	630,000	-	-	392,000	420,000	238,000	210,000	
POT	18	18	237,936	237,936	-	-	72,336	99,336	165,600	138,600	

5.3 TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN (TIẾP)

CHỈ TIÊU	SỐ LƯỢNG		GIÁ TRỊ THEO SỐ SÁCH KẾ TOÁN		GIÁ THỊ TRƯỜNG SO VỚI SỐ SÁCH				TỔNG GIÁ TRỊ THEO GIÁ THỊ TRƯỜNG		GHI CHÚ
	Tại 01/01/2012		Tại 31/12/2012		TĂNG		GIẢM		Tại 31/12/2012		
	CP	CP	VND	VND	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012	VND	VND	
PSC	20	20	552,000	552,000	-	-	306,000	334,000	246,000	218,000	
PSI	75	75	900,000	900,000	-	-	600,000	682,500	300,000	217,500	
PVI	27	27	429,300	429,300	-	64,800	18,900	-	410,400	494,100	
PVX	182	174	1,831,551	1,803,351	-	-	830,551	672,351	1,001,000	1,131,000	
SD6	56	56	580,800	580,800	-	-	228,000	261,600	352,800	319,200	
SD9	50	50	955,000	955,000	-	-	580,000	670,000	375,000	285,000	
SHB	49	-	719,400	-	-	-	430,300	-	289,100	-	
SHN	20	20	400,000	400,000	-	-	376,000	326,000	24,000	74,000	
SJE	40	40	668,000	668,000	-	-	352,000	436,000	316,000	232,000	
SSM	21	21	365,400	365,400	-	-	237,300	260,400	128,100	105,000	
SVS	50	50	365,000	365,000	-	-	205,000	270,000	160,000	95,000	
TKC	36	33	495,000	495,000	-	-	347,400	366,300	147,600	128,700	
TTC	90	90	1,730,790	1,730,790	-	-	1,253,790	1,505,790	477,000	225,000	
TPP	80	80	720,000	720,000	152,000	-	-	296,000	872,000	424,000	
VCG	51	51	1,100,148	1,100,148	-	-	666,648	666,648	433,500	433,500	
VCR	50	50	235,000	235,000	-	35,000	95,000	-	140,000	270,000	
VE9	50	50	1,180,000	1,180,000	-	-	915,000	800,000	265,000	380,000	
VGP	66	66	1,042,800	1,042,800	-	-	231,000	198,000	811,800	844,800	
VND	66	66	1,353,000	1,353,000	-	-	732,600	924,000	620,400	429,000	
VTC	26	26	174,800	174,800	-	-	104,600	107,200	70,200	67,600	

5.3 TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN (TIẾP)

CHỈ TIÊU	SỐ LƯỢNG	GIÁ TRỊ THEO SỐ SÁCH KẾ TOÁN		GIÁ THỊ TRƯỜNG SO VỚI SỐ SÁCH		GHI CHÚ				
		TĂNG		GIẢM						
		Tại 01/01/2012	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012	Tại 31/12/2012					
		CP	CP	VND	VND					
		Tại 01/01/2012	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012				
		VND	VND	VND	VND	VND				
Sàn GDCK TPHCM	4,539,277	68,951	106,829,287,907	1,803,144,468	1,282,966,511	237,867	19,612,912,118	1,058,034,935	88,499,342,300	745,347,400
ABT	2	2	81,800	81,800	3,200	-	-	13,400	85,000	68,400
AGR	1	1	12,500	12,500	-	-	7,000	8,100	5,500	4,400
BMC	12	8	189,600	189,600	393,600	16,000	-	-	583,200	205,600
CLC	9	9	153,900	153,900	-	-	18,900	45,000	135,000	108,900
CTG	4	4	84,800	84,800	-	-	2,000	14,000	82,800	70,800
DCT	5	5	44,000	44,000	-	-	29,500	23,500	14,500	20,500
DIG	6	6	217,200	217,200	-	-	140,400	154,800	76,800	62,400
DMC	6	6	171,000	171,000	3,000	-	-	45,600	174,000	125,400
DTL	5	5	100,000	100,000	-	-	36,500	23,000	63,500	77,000
EIB	9	9	130,412	130,412	10,888	15,100	-	-	141,300	128,700
GIL	5	5	105,000	105,000	55,000	50,000	-	-	160,000	155,000
GTT	3	3	29,556	29,556	-	-	6,756	13,956	22,800	15,600
HAX	7	7	76,200	76,200	-	-	52,400	42,600	23,800	33,600
HBB	-	66	-	719,400	-	-	-	448,800	-	270,600
HLG	5	5	51,000	51,000	-	1,500	7,000	-	44,000	52,500
HPG	6	5	176,500	176,500	-	-	50,500	89,000	126,000	87,500
HSG	2	2	33,400	33,400	5,000	-	-	16,800	38,400	16,600
ITA	2	2	29,829	29,829	-	-	20,429	16,829	9,400	13,000
ITC	5	5	110,500	110,500	-	-	70,000	74,000	40,500	36,500
KDC	6	5	247,000	247,000	-	-	7,000	117,000	240,000	130,000
LAF	1	1	22,800	22,800	-	-	18,900	8,400	3,900	14,400
LCG	2	2	15,600	15,600	200	1,200	-	-	15,800	16,800
MBB	1	68,641	26,180	1,797,000,000	-	-	13,680	1,055,677,200	12,500	741,322,800

5.3 TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN (TIẾP)

CHỈ TIÊU	SỐ LƯỢNG	GIÁ TRỊ THEO SỐ SÁCH KẾ TOÁN		GIÁ THỊ TRƯỜNG SO VỚI SỐ SÁCH		GHI CHÚ			
		TĂNG		GIẢM					
		Tại 01/01/2012	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012	Tại 31/12/2012				
		CP	CP	VND	VND				
		Tại 01/01/2012	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012			
		VND	VND	VND	VND	VND			
PGC	2	2	30,400	30,400	-	9,000	20,600	21,400	9,800
PNJ	4	4	133,200	133,200	5,200	27,600	-	138,400	160,800
PVD	9	9	500,732	500,732	-	-	163,232	201,932	337,500
PVT	6	6	56,400	56,400	-	-	31,800	37,800	24,600
REE	6	6	94,677	94,677	4,923	-	-	26,877	99,600
SC5	25	25	420,800	420,800	-	-	73,300	218,300	347,500
SFC	8	8	230,400	230,400	-	-	46,400	17,600	184,000
SGT	5	5	53,500	53,500	-	-	31,000	15,000	22,500
SJS	5	5	285,000	285,000	-	-	176,000	171,000	109,000
STB	4,248,260	2	104,151,774,880	20,033	-	10,167	19,611,400,880	-	84,540,374,000
STG	1	1	23,100	23,100	-	-	5,700	7,100	17,400
SVC	290,770	-	2,672,065,000	-	1,282,407,000	-	-	-	3,954,472,000
TCM	6	6	128,400	128,400	-	-	93,600	78,000	34,800
TCR	7	7	57,200	57,200	-	-	26,400	20,800	30,800
TLH	7	7	106,074	106,074	-	-	70,374	73,174	35,700
TMS	1	1	26,200	26,200	800	-	2,000	-	24,200
TNA	6	6	159,000	159,000	-	-	67,800	39,000	91,200
TS4	6	6	119,400	119,400	-	-	66,000	69,600	53,400
VCB	4	4	110,567	110,567	-	-	1,767	23,367	108,800
VIC	7	-	481,500	-	78,500	-	-	-	560,000
VPH	5	5	119,000	119,000	-	-	96,500	98,000	22,500
VPL	-	9	-	481,500	-	115,500	-	-	-
VSH	5	5	58,500	58,500	-	-	7,000	17,000	51,500
VTO	18	18	145,200	145,200	-	-	62,400	67,800	82,800

5.3 TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN (TIẾP)

CHỈ TIÊU	SỐ LƯỢNG		GIÁ TRỊ THEO SỔ SÁCH KẾ TOÁN		GIÁ THỊ TRƯỜNG SO VỚI SỔ SÁCH		TỔNG GIÁ TRỊ THEO GIÁ THỊ TRƯỜNG		GHI CHÚ	
	Tại 31/12/2012		Tại 01/01/2012		TĂNG		GIẢM			
	CP	CP	VND	VND	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012		
UPCOM	72	72	1,709,079	1,709,079	-	-	1,608,279	1,356,279	100,800	352,800
VSP	72	72	1,709,079	1,709,079	-	-	1,608,279	1,356,279	100,800	352,800
OTC	4	13,152,949	50,800	129,571,007,690	-	-	50,800	2,940,285,200	-	126,630,722,490
MCV	4	4	50,800	50,800	-	-	50,800	39,200	-	11,600
NH TMCP Bản Việt	-	13,152,945	-	129,570,956,890	-	-	-	2,940,246,000	-	126,630,710,890
II. Chứng khoán đầu tư	304	500,304	25,824,000,000	29,574,000,000	-	-	-	750,000,000	25,824,000,000	28,824,000,000
1. Chứng khoán sẵn sàng để bán	304	500,304	25,824,000,000	29,574,000,000	-	-	-	750,000,000	25,824,000,000	28,824,000,000
+ Cổ phiếu - NH TMCP Nam Á	-	500,000	-	3,750,000,000	-	-	-	750,000,000	-	3,000,000,000
- NH TMCP Việt	-	500,000	-	3,750,000,000	-	-	-	750,000,000	-	3,000,000,000
+ Chứng chỉ quỹ - Quỹ đầu tư CK Bản Việt	304	304	25,824,000,000	25,824,000,000	-	-	-	-	25,824,000,000	25,824,000,000
- Quỹ đầu tư CK Bản Việt	200	200	20,000,000,000	20,000,000,000	-	-	-	-	20,000,000,000	20,000,000,000 (*)
- Quỹ đầu tư CK y tế Bản Việt	104	104	5,824,000,000	5,824,000,000	-	-	-	-	5,824,000,000	5,824,000,000 (**)
Cộng	4,541,655	13,724,019	132,685,894,429	160,977,631,880	1,283,335,811	341,867	19,628,695,240	4,764,860,457	114,340,535,000	156,213,113,290

(*): Khoản đầu tư chưa được đánh giá giá trị để xem xét khả năng giảm giá tại ngày 31/12/2012.

(**): Khoản đầu tư đứng tên sở hữu trên Chứng chỉ quỹ là Ông Nguyễn Văn Cửu - Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty, theo ủy quyền của Công ty, chưa được đánh giá giá trị để xem xét khả năng giảm giá tại ngày 31/12/2012. Tại ngày 04/01/2013, Công ty đã bán khoản đầu tư với tổng giá trị chuyển nhượng là 8.423.470.282 đồng.

5.4 TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

CHỈ TIÊU	SỐ LƯỢNG		GIÁ TRỊ THEO SỔ SÁCH KẾ TOÁN		GHI CHÚ
	Tại 31/12/2012		Tại 01/01/2012		
	CP	CP	VND	VND	
Đầu tư dài hạn khác	10.688.125	10.208.125	124.803.125.000	166.003.803.682	(*)
Công ty CP Nhà An Phú (APH)	256.250	256.250	7.687.500.000	7.687.500.000	
Công ty CP bia & nước giải khát Việt Hà	100.000	100.000	2.000.000.000	2.000.000.000	
Công ty CP ôtô Đô Thành	1.300.000	1.300.000	13.000.000.000	13.000.000.000	
Công ty CP Thời Trang Việt	151.875	151.875	5.315.625.000	5.315.625.000	
Công ty CP đầu tư Quốc tế CSQ	-	2.000.000	-	41.370.000.000	
Công ty CP Phú Gia	-	1.620.000	-	40.830.678.682	
Công ty CP Liên Minh	1.000.000	1.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000	(**)
Công ty CP ĐT XD KCN Vĩnh Lộc	1.200.000	1.200.000	15.000.000.000	15.000.000.000	
Công ty Viễn Thông Đô Thành	400.000	400.000	4.000.000.000	4.000.000.000	
Công ty CP TM Đầu tư Đô Thành	2.180.000	2.180.000	21.800.000.000	21.800.000.000	
Công ty CP Đầu tư BĐS Đô Thành	4.100.000	-	41.000.000.000	-	
Cộng	10.688.125	10.208.125	124.803.125.000	166.003.803.682	

(*) Các khoản đầu tư dài hạn khác chưa được đánh giá giá trị để xem xét khả năng giảm giá tại ngày 31/12/2012.

(**): Cổ phiếu đã có cam kết bán cho Công ty Cổ phần Thương mại Hùng Cường với giá chuyển nhượng là 15.000.000.000 đồng theo hợp đồng chuyển nhượng số 01/2010/HĐCN ngày 01/06/2010. Tuy nhiên, số cổ phiếu này vẫn chưa chuyển giao quyền sở hữu cho bên mua do bên mua chưa thực hiện thanh toán theo cam kết của hợp đồng.

CÁC KHOẢN CHỨNG KHOÁN REPO

KHÁCH HÀNG	CHỨNG KHOÁN	SỐ LƯỢNG	GIÁ TRỊ GHI SỔ	GIÁ TRỊ MUA	GIÁ TRỊ BÁN LẠI	NGÀY VAY	NGÀY ĐÁO HẠN
			CP	VND	VND		
Võ Minh Châu	Cty CP Chứng khoán Beta	200.000	2.000.000.000	200.000.000	206.000.000	02/03/2009	31/05/2009
Cộng		200.000	2.000.000.000	200.000.000	206.000.000		

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

CHỈ TIÊU	TẠI 01/01/2012		SỐ PHÁT SINH TRONG NĂM		TẠI 31/12/2012		Số dự phòng độc lập
	Tổng số	Số quá hạn	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
1. Phải thu của khách hàng	-	-	1.150.508.484	1.140.239.034	10.269.450	-	-
2. Trả trước cho người bán	403.400.608	-	1.310.172.652	1.553.934.260	159.639.000	-	-
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	29.306.446.628	-	4.912.044.260.474	4.918.157.542.528	23.193.164.574	-	-
"- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán"	29.306.446.628	-	4.912.044.260.474	4.918.157.542.528	23.193.164.574	-	-
4. Phải thu khác	1.798.060.005.236	5.607.000.000	6.264.667.818.006	6.025.355.922.325	2.037.371.900.917	24.715.646.500	15.330.952.550
- HĐ Repo	200.000.000	-	-	-	200.000.000	-	200.000.000
- HĐ ứng trước tiền chứng khoán	5.000.000.000	-	240.550.322.450	245.550.322.450	-	-	-
- HĐ cầm cố chứng khoán (1)	173.997.000.000	-	816.335.000.000	902.425.000.000	87.907.000.000	-	3.924.900.000
- HĐ HTĐT chứng khoán niêm yết	136.787.790.348	-	915.131.570.700	1.028.135.643.548	23.783.717.500	-	12.358.646.500
- HĐ HTĐT CK chưa niêm yết (2)	1.070.602.883.000	-	3.395.676.907.148	2.827.637.623.314	1.578.642.166.834	-	-
- HĐ ủy thác đầu tư chứng khoán	24.000.577.430	-	40.000.000.000	64.000.577.430	-	-	-
- HĐ ủy thác đầu tư	373.219.373.080	-	840.419.232.112	943.241.818.696	270.396.786.496	-	1.080.000.000
- Phải thu khác của nhà đầu tư (3)	14.252.381.378	-	76.160.759.143	13.971.009.434	76.442.131.087	-	1.475.000.000
- Phải thu khác	-	-	394.026.453	393.927.453	99.000	-	-
Cộng	1.827.769.852.472	5.607.000.000	11.179.172.759.616	10.946.207.638.147	2.060.734.973.941	24.715.646.500	15.330.952.550

(1): Công ty đứng ra xác nhận số dư chứng khoán hiện có của nhà đầu tư, đồng thời phong toả chứng khoán của nhà đầu tư để ngân hàng cho nhà đầu tư vay, sử dụng chứng khoán làm tài sản thế chấp. Ngân hàng sẽ giải ngân trực tiếp vào tài khoản khách hàng và khách hàng phải chuyển tiền về Công ty để quản lý khoản vay. Khoản tiền chuyển về được Công ty theo dõi trên khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác <<xem thêm tại thuyết minh số 15>>. Nhà đầu tư ký thoả thuận sử dụng vốn với Công ty, theo đó khi nhà đầu tư chưa có nhu cầu sử dụng vốn, Công ty sẽ sử dụng một phần số vốn vay này. Số tiền nhà đầu tư vay được theo dõi là khoản Công ty phải thu nhà đầu tư. (2): Công ty ký Hợp đồng HTĐT với các khách hàng đã có cổ phiếu OTC của một số Ngân hàng theo chỉ định của cụ thể của chính các Ngân hàng đó và có sự bảo lãnh thanh toán hoặc mua lại các cổ phiếu trên từ phía Ngân hàng. Nguồn vốn để thực hiện các Hợp đồng HTĐT này từ chính các ngân hàng hoặc tổ chức khác thông qua các các hợp đồng cho vay, hợp đồng mua trái phiếu doanh nghiệp BSI phát hành, hoặc hợp đồng hợp tác quản lý tài sản. <<Xem thêm tại thuyết minh số 12, 15 và 17>>. (3): Trong đó, khoản lãi phải thu của nhà đầu tư liên quan đến Hợp đồng mua trái phiếu chứng khoán chưa niêm yết là 73.491.731.087 đồng.

6.1 PHẢI THU HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	TẠI 31/12/ 2012 VND	TẠI 01/01/ 2012 VND
Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	6.185.929.593	25.582.366.073
Phải thu phí bán của khách hàng	17.828.621	47.827.745
Phải thu khách hàng về HĐ mua quyền nhận tiền bán chứng khoán	9.740.936.278	3.676.252.810
Phải thu khách hàng về HĐ Margin vay mua chứng khoán	7.248.470.082	-
Cộng	23.193.164.574	29.306.446.628

6.2 DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	TẠI 31/12/ 2012 VND	TẠI 01/01/ 2012 VND
Số dư đầu năm	2.803.500.000	-
Số sử dụng trong năm	-	-
Số trích lập trong năm	12.527.452.550	2.803.500.000
Số dư cuối năm	15.330.952.550	2.803.500.000

7. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại các Trung tâm Giao dịch Chứng khoán. Biến động của khoản tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán trong năm như sau:

	TẠI 31/12/ 2012 VND	TẠI 01/01/ 2012 VND
Tiền nộp ban đầu	1.500.739.651	124.212.275
Tiền nộp bổ sung	315.686.498	1.376.527.376
Tiền lãi phân bổ trong năm	194.501.197	-
Cộng	2.010.927.346	1.500.739.651

8. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	TẠI 31/12/ 2012 VND	TẠI 01/01/ 2012 VND
Ký cược, ký quỹ dài hạn	1.000.075.000	1.389.810.600
Cộng	1.000.075.000	1.389.810.600

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC VND	MÁY MÓC, THIẾT BỊ VND	PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI TRUYỀN VND	THIẾT BỊ QUẢN LÝ VND	TSCĐ KHÁC VND	CỘNG VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại 01/01/2012	5.678.970.184	5.033.672.265	3.161.020.798	-	6.119.885.558	19.993.548.805
Tăng trong năm	-	-	93.821.079	11.478.500	-	105.299.579
- Tăng do mua mới	-	-	93.821.079	11.478.500	-	105.299.579
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Tại 31/12/2012	5.678.970.184	5.033.672.265	3.254.841.877	11.478.500	6.119.885.558	20.098.848.384
HAO MÒN LUY KẾ						
Tại 01/01/2012	2.197.795.314	3.260.227.970	1.355.134.066	-	5.690.200.045	12.503.357.395
Khấu hao trong năm	569.461.382	1.079.957.183	399.321.141	2.125.647	367.652.164	2.418.517.517
- Trích KH trong năm	569.461.382	1.079.957.183	399.321.141	2.125.647	367.652.164	2.418.517.517
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Tại 31/12/2012	2.767.256.696	4.340.185.153	1.754.455.207	2.125.647	6.057.852.209	14.921.874.912
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2012	3.481.174.870	1.773.444.295	1.805.886.732	-	429.685.513	7.490.191.410
Tại 31/12/2012	2.911.713.488	693.487.112	1.500.386.670	9.352.853	62.033.349	5.176.973.472

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 612.766.664 VND

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	PHẦN MỀM MÁY TÍNH VND	WEBSITE CÔNG TY VND	TSCĐ VÔ HÌNH KHÁC VND	CỘNG VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại 01/01/2012	3.075.541.320	168.955.500	285.811.981	3.530.308.801
Tăng trong năm	776.691.520	-	-	776.691.520
- Tăng do mua mới	776.691.520	-	-	776.691.520
Tại 31/12/2012	3.852.232.840	168.955.500	285.811.981	4.307.000.321
HAO MÒN LUY KẾ				
Tại 01/01/2012	1.166.060.589	168.955.500	285.811.981	1.620.828.070
Khấu hao trong năm	761.584.566	-	-	761.584.566
- Trích KH trong năm	761.584.566	-	-	761.584.566
Tại 31/12/2012	1.927.645.155	168.955.500	285.811.981	2.382.412.636
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2012	1.909.480.731	-	-	1.909.480.731
Tại 31/12/2012	1.924.587.685	-	-	1.924.587.685

11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư là căn hộ tại cao ốc Hoàng Anh Gia Lai, Quận 07, Thành phố Hồ Chí Minh. Tài sản được khấu hao trong 10 năm.

12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	TẠI 31/12/ 2012 VND	TẠI 01/01/ 2012 VND
Vay ngắn hạn	223.619.465.064	417.150.000.000
Vay ngắn hạn Ngân hàng	14.850.000.000	22.150.000.000
+ Ngân hàng TMCP Bản Việt - Hội sở (1)	14.850.000.000	22.150.000.000
Mệnh giá Trái phiếu phát hành	208.769.465.064	395.000.000.000
+ Ngân hàng TMCP Nam Á (2)	208.769.465.064	395.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	174.000.000	174.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - CN Bến Thành	174.000.000	174.000.000
Cộng	223.793.465.064	417.324.000.000

(1): Khoản vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 025/TD-TTKD-2012 ngày 20/01/2012 và hợp đồng tín dụng sửa đổi bổ sung HĐD số 025/TD-TTKD-2012 ngày 20/07/2012 giữa Ngân hàng TMCP Bản Việt và Công ty CP Chứng khoán BETA với hạn mức cấp tín dụng là 25.000.000.000 đồng, nhằm mục đích bổ sung vốn kinh doanh. Lãi suất vay thay đổi theo từng thời kỳ. Thời hạn trả khoản vay là ngày 20/07/2013.

(2): Khoản vay theo hợp đồng mua trái phiếu số 02/TP-BSI & NAB ngày 24/02/2010 giữa Công ty CP Chứng khoán Beta và Ngân hàng TMCP Nam Á. Số lượng trái phiếu phát hành ban đầu là 300.000 trái phiếu, với tổng giá trị là 300 tỷ đồng. Mục đích sử dụng nguồn thu: sử dụng cho hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán. Lãi suất thả nổi. Tiền lãi được trả một lần cho nhà đầu tư vào ngày đáo hạn của trái phiếu.

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	TẠI 31/12/ 2012 VND	TẠI 01/01/ 2012 VND
Thuế GTGT	5.500.000	18.644.549
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	1.020.345.263
Thuế thu nhập cá nhân	485.808.235	113.697.244
Cộng	491.308.235	1.152.687.056

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	TẠI 31/12/ 2012 VND	TẠI 01/01/ 2012 VND
Trích trước chi phí lãi trái phiếu	28.972.222.222	26.402.328.767
Cộng	28.972.222.222	26.402.328.767

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	TẠI 31/12/ 2012 VND	TẠI 01/01/ 2012 VND
Bảo hiểm xã hội	-	-
Kinh phí công đoàn	114.607.388	74.701.088
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.172.953.709.820	369.633.579.052
Phải trả vốn gốc ứng trước ngân hàng - Vietinbank Nam SG	-	5.000.000.000
Phải trả vốn gốc cầm cố ngân hàng - Liên Việt (1)	27.300.000.000	34.400.000.000
Phải trả vốn gốc cầm cố ngân hàng - Bản Việt (1)	41.000.000.000	124.990.000.000
Phải trả vốn gốc cầm cố ngân hàng - Southernbank SG (1)	14.000.000.000	9.000.000.000
Phải trả cổ tức công ty BETA	1.466.400.000	1.466.400.000
Phải trả cổ tức cho khách hàng	13.111.290	1.394.250
Phải trả Công ty TNHH Quản lý nợ và khai thác tài sản NH TMCP Phương Nam (2)	1.083.288.707.500	-
Phải trả khác cho nhà đầu tư	5.885.491.030	194.775.784.802
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.835.244.372	4.878.611.302
Cộng	1.176.903.561.580	374.586.891.442

(1) Công ty đứng ra xác nhận số dư chứng khoán hiện có của nhà đầu tư, đồng thời phong toả chứng khoán của nhà đầu tư để ngân hàng cho nhà đầu tư vay, sử dụng chứng khoán làm tài sản thế chấp. Ngân hàng sẽ giải ngân trực tiếp vào tài khoản khách hàng và khách hàng phải chuyển tiền về Công ty để quản lý khoản vay. Khoản tiền chuyển về được Công ty theo dõi trên khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác.

(2) Hợp đồng quản lý tài sản với Công ty TNHH Quản lý nợ và khai thác tài sản ngân hàng TMCP Phương Nam. Theo đó, Công ty sử dụng vốn của Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng TMCP Phương Nam với lãi suất 15%/năm, nhằm mục đích cho các nhà đầu tư được chỉ định vay mua cổ phiếu Ngân hàng TMCP Phương Nam.

16. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	TẠI 31/12/ 2012 VND	TẠI 01/01/ 2012 VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	273.967.017	-
Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán	85.856.668	-
Phải trả tổ chức, cá nhân khác	6.823.314.000	23.246.380.000
Cộng	7.183.137.685	23.246.380.000

17. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	TẠI 31/12/ 2012 VND	TẠI 01/01/ 2012 VND
Vay dài hạn ngân hàng	61.000.000	235.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - CN Bến Thành	61.000.000	235.000.000
Mệnh giá Trái phiếu phát hành	461.000.000.000	1.000.000.000.000
Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt (1)	361.000.000.000	750.000.000.000
Ngân hàng TMCP Bản Việt - Hội sở (2)	100.000.000.000	250.000.000.000
Cộng	461.061.000.000	1.000.235.000.000

(1): Khoản vay theo Hợp đồng mua trái phiếu 20/11/TP-BSI ngày 29/6/2011 và Hợp đồng mua trái phiếu 21/11/TP-BSI ngày 29/6/2011 giữa Công ty CP Chứng khoán BETA (bên phát hành) và Ngân hàng TMCP Liên Việt (Nhà đầu tư). Tổng số lượng trái phiếu phát hành ban đầu là 385.000 trái phiếu, với tổng giá trị là 385 tỷ đồng. Toàn bộ nguồn thu về từ đợt phát hành được tổ chức phát hành sử dụng cho mục đích tài trợ cho việc hợp tác đầu tư cổ phiếu và trái phiếu được Ngân hàng TMCP Liên Việt chấp thuận. Kỳ hạn trái phiếu là 3 năm, đáo hạn vào ngày 30/06/2014. Lãi suất thả nổi. Tiền lãi được trả 3 tháng/ lần vào cuối kỳ trả lãi.

(2): Khoản vay theo Hợp đồng mua trái phiếu số 01/TP-BSI&GDB/2011 ngày 10/5/2011 giữa Công ty CP chứng khoán Beta và Ngân hàng TMCP Gia Định (nay là Ngân hàng TMCP Bản Việt). Tổng số lượng trái phiếu phát hành ban đầu là 20 trái phiếu, với tổng giá trị là 200 tỷ đồng. Kỳ hạn trái phiếu là 24 tháng, đáo hạn vào ngày 16/05/2013. Lãi suất 18%/năm, thay đổi 3 tháng/lần theo thỏa thuận giữa hai bên. Tiền lãi được trả vào ngày đáo hạn trái phiếu cùng với tiền gốc của trái phiếu.

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

CHỈ TIÊU	SỐ DƯ ĐẦU KỲ		SỐ TĂNG, GIẢM		SỐ DƯ CUỐI KỲ	
	TẠI 01/01/2012 VND	TẠI 01/01/2012 VND	NĂM 2011		NĂM 2012	
			TĂNG VND	GIẢM VND	TĂNG VND	GIẢM VND
Vốn chủ sở hữu	300.000.000.000	400.000.000.000	100.000.000.000	-	-	400.000.000.000
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.128.429.257	1.128.429.257	-	-	-	1.128.429.257
Quý đầu tư phát triển	-	-	289.564.000	-	-	1.417.993.257
Quý dự phòng tài chính	-	-	289.564.000	-	-	289.564.000
Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	289.564.000	-	-	289.564.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.222.813.243	7.014.101.365	35.697.566.365	29.906.278.243	22.294.369.568	13.222.987.417
Cộng	302.351.242.500	408.142.530.622	135.697.566.365	29.906.278.243	22.294.369.568	415.220.108.674

18.2 CHI TIẾT VỐN CHỦ SỞ HỮU

	THEO ĐĂNG KÝ KINH DOANH		TẠI 31/12/2012
	SỐ VỐN CAM KẾT GÓP VND	TỶ LỆ %	SỐ VỐN THỰC GÓP VND
Ông Nguyễn Văn Cựu	106.497.660.000	26,62%	106.497.660.000
Bà Phan Thị Yên Hà	25.925.000.000	6,48%	25.925.000.000
Ông Huỳnh Văn Thọ	30.000.000.000	7,50%	30.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Minh Kỳ	73.843.300.000	18,46%	73.843.300.000
Ngân hàng TMCP Nam Á	33.000.000.000	8,25%	33.000.000.000
Bà Huỳnh Thị Ngọc Hân	51.130.000.000	12,78%	51.130.000.000
Bà Nguyễn Thị Minh Quang	36.850.000.000	9,21%	36.850.000.000
Các cổ đông khác	42.754.040.000	10,69%	42.754.040.000
Cộng	400.000.000.000	100%	400.000.000.000

19. DOANH THU

	NĂM 2012 VND	NĂM 2011 VND
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	9.801.621.320	5.138.129.800
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	82.125.030.366	43.073.475.955
- Cổ tức nhận được	11.431.212.645	2.730.252.333
- Chênh lệch lãi bán khoản đầu tư chứng khoán, góp vốn	70.693.817.721	40.343.223.622
Doanh thu hoạt động tư vấn	182.286.566	828.045.455
Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	49.903.030	732.181.816
Doanh thu khác	289.618.678.708	243.419.845.783
Cộng	381.777.519.990	293.191.678.809

20. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	NĂM 2012 VND	NĂM 2011 VND
Các khoản giảm trừ doanh thu	30.997.724	461.354.660
Cộng	30.997.724	461.354.660

21. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	NĂM 2012 VND	NĂM 2011 VND
Chi phí môi giới chứng khoán	2,384,642,036	1,790,650,836
Phí Lưu ký chứng khoán	703,779,723	423,048,951
Chi phí hoạt động đầu tư CK, góp vốn	3,696,152,054	8,528,768,724
Chi phí trả lãi tiền vay	312,821,696,399	245,172,507,828
Chi phí dự phòng	14,863,834,783	-
Chi phí tư vấn, môi giới	58,822,900	17,438,378
Chi phí khác	7,364,337,354	6,759,538,789
Cộng	341,893,265,249	262,691,953,506

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	NĂM 2012 VND	NĂM 2011 VND
Chi phí nhân viên quản lý	6,676,031,433	5,459,046,734
Chi phí vật liệu quản lý	278,177,073	177,307,415
Chi phí đồ dùng văn phòng	796,168,012	1,482,631,604
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3,180,102,083	3,467,564,862
Thuế phí, lệ phí	72,337,620	247,954,270
Chi phí dự phòng	12,527,452,550	2,803,500,000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6,978,628,491	8,172,787,245
Chi phí bằng tiền khác	2,125,732,417	1,417,959,491
Cộng	32,634,629,679	23,228,751,621

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	NĂM 2012 VND	NĂM 2011 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7,367,142,052	6,811,633,385
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(10,688,560,922)	(2,730,252,333)
- Các khoản điều chỉnh tăng	742,651,723	-
- Các khoản điều chỉnh giảm (cổ tức nhận được)	(11,431,212,645)	(2,730,252,333)
Tổng thu nhập chịu thuế	(3,321,418,870)	4,081,381,052
Thuế suất thuế TNDN	25%	25%
Thuế TNDN phải nộp trong năm	-	1,020,345,263
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	1,020,345,263

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**QUẢN LÝ RỦI RO VỐN**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.7.

Tại ngày 31/12/2012, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

	TẠI 31/12/2012 VND	TẠI 01/01/2012 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	18,888,334,525	92,600,585,139
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	87,233,199,189	127,388,771,423
- Cổ phiếu niêm yết	87,233,098,389	757,696,133
- Cổ phiếu chưa niêm yết	-	126,630,722,490
- Cổ phiếu trên sàn Upcom	100,800	352,800
Các khoản phải thu ngắn hạn	2,045,244,382,391	1,824,562,951,864
Đầu tư chứng khoán dài hạn	25,824,000,000	28,824,000,000
Tài sản tài chính khác	3,011,002,346	2,890,550,251
Cộng	2,180,200,918,451	2,076,266,858,677
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	684,854,465,064	1,417,559,000,000
Phải trả người bán	41,131,376	3,401,074,480
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	7,183,137,685	23,246,380,000
Chi phí phải trả	28,972,222,222	26,402,328,767
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	1,176,914,020,275	374,613,701,522
Cộng	1,897,964,976,622	1,845,222,484,769

TÀI SẢN ĐẢM BẢO

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Trong năm, Công ty sử dụng các tài sản tài chính để thế chấp cho khoản vay ngắn hạn ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số 025/TD-TTKD-2012 ngày 20/01/2012 giữa Ngân hàng TMCP Bản Việt và công ty CP Chứng khoán BETA:

Hợp đồng cầm cố TS số 16/HĐCC-TTKD-2012 ngày 20/1/2012:

- 200 Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán Y tế Bản Việt, giá trị theo mệnh giá là 20 tỷ đồng;
- 1.000.000 cổ phần của Công ty CP Liên Minh, giá trị theo mệnh giá là 10 tỷ đồng;
- 1.300.000 cổ phần Công ty CP Ô tô Đô Thành, giá trị theo mệnh giá là 13 tỷ đồng;

Tài sản nhận thế chấp của các đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31/12/2012.

MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	DƯỚI 1 NĂM VND	TRÊN 1 NĂM VND	TRÊN 5 NĂM VND	CỘNG VND
Nợ phải trả tài chính				
Tại 31/12/2012				
Vay và nợ	223,793,465,064	461,061,000,000	-	684,854,465,064
Phải trả người bán	41,131,376	-	-	41,131,376
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	7,183,137,685	-	-	7,183,137,685
Chi phí phải trả	-	28,972,222,222	-	28,972,222,222
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	1,176,914,020,275	-	-	1,176,914,020,275
Cộng	1,407,931,754,400	490,033,222,222	-	1,897,964,976,622
Tại 01/01/2012				
Vay và nợ	417,324,000,000	1,000,235,000,000	-	1,417,559,000,000
Phải trả người bán	3,401,074,480	-	-	3,401,074,480
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	23,246,380,000	-	-	23,246,380,000
Chi phí phải trả	-	26,402,328,767	-	26,402,328,767
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	374,613,701,522	-	-	374,613,701,522
Cộng	818,585,156,002	1,026,637,328,767	-	1,845,222,484,769

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	DƯỚI 1 NĂM VND	TRÊN 1 NĂM VND	TRÊN 5 NĂM VND	CỘNG VND
Tài sản tài chính				
Tại 31/12/2012				
Tiền và các khoản tương đương tiền	18,888,334,525	-	-	18,888,334,525
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	87,233,199,189	-	-	87,233,199,189
Các khoản phải thu ngắn hạn	2,045,244,382,391	-	-	2,045,244,382,391
Đầu tư chứng khoán dài hạn	-	25,824,000,000	-	25,824,000,000
Tài sản tài chính khác	-	3,011,002,346	-	3,011,002,346
Cộng	2,151,365,916,105	28,835,002,346	-	2,180,200,918,451
Tại 01/01/2012				
Tiền và các khoản tương đương tiền	92,600,585,139	-	-	92,600,585,139
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	127,388,771,423	-	-	127,388,771,423
Các khoản phải thu ngắn hạn	1,824,562,951,864	-	-	1,824,562,951,864
Đầu tư chứng khoán dài hạn	-	28,824,000,000	-	28,824,000,000
Tài sản tài chính khác	-	2,890,550,251	-	2,890,550,251
Cộng	2,044,552,308,426	31,714,550,251	-	2,076,266,858,677

25. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Theo đó, hoạt động theo lĩnh vực của Công ty gồm: hoạt động môi giới chứng khoán, hoạt động đầu tư chứng khoán và góp vốn, hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán và hoạt động khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác. Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh tại Việt Nam. Vì vậy, Công ty xác định không có sự khác biệt về khu vực địa lý cho toàn bộ các hoạt động của Công ty.

Báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế Thu nhập doanh nghiệp.

NĂM 2012	MÔI GIỚI CHỨNG KHOAN VND	ĐẦU TƯ CHỨNG KHOAN VÀ GÓP VỐN VND	TƯ VẤN ĐẦU TƯ CHỨNG KHOAN VND	HOẠT ĐỘNG KHÁC VND	CỘNG VND
	Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh <i>Doanh thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và lãi đầu tư</i>	9,770,623,596 9,770,623,596	82,125,030,366 82,125,030,366	182,286,566 182,286,566	289,668,581,738 289,668,581,738
Chi phí bộ phận <i>Kết quả kinh doanh theo bộ phận</i>	2,384,642,036 7,385,981,560	3,696,152,054 78,428,878,312	58,822,900 123,463,666	335,753,648,259 (46,085,066,521)	341,893,265,249 39,853,257,017
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh Thu nhập khác Chi phí khác					32,634,629,679 7,218,627,338 148,514,731 17
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					- -
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					7,367,142,052

26. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2012 VND
Ngân hàng TMCP Bản Việt	Đối tác lớn	Chi phí lãi vay	79,983,086,581
Ngân hàng TMCP Nam Á	Cổ đông lớn	Chi phí lãi vay	50,739,501,648
Cộng			130,722,588,229

SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung	TẠI 31/12/2012	
			Khoản phải thu VND	Khoản phải trả VND
Ngân hàng TMCP Nam Á	Cổ đông lớn	Số dư vay ngắn hạn	-	208,769,465,064
Ngân hàng TMCP Nam Á	Cổ đông lớn	Phải thu của khách hàng	10,269,450	-
Ngân hàng TMCP Bản Việt	Đối tác lớn	Số dư vay ngắn hạn	-	14,850,000,000
		Số dư trái phiếu phát hành	-	100,000,000,000
Bà Phan Thị Yên Hà	Cổ đông lớn	Phải thu về giao dịch chứng khoán	251,000,000	-
		Tạm ứng	80,000,000	-
Bà Huỳnh Thị Ngọc Hân	Cổ đông lớn	Phải thu khách hàng - ủy thác đầu tư	20,000,000,000	-
Bà Nguyễn Thị Minh Quang	Cổ đông lớn, thành viên HĐQT, BGD	Tạm ứng	82,819,400	-
Ông Huỳnh Văn Tốt	Tổng Giám đốc	Tạm ứng	356,617,523	-
Cộng			20,780,706,373	323,619,465,064

27. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và dịch vụ tin học TP Hồ Chí Minh (AISC). Một số số liệu năm trước đã được phân loại lại cho phù hợp với mục đích so sánh của Báo cáo tài chính năm nay.



HUYỀN VĂN TỐT
TỔNG GIÁM ĐỐC

Tp.HCM, ngày 22 tháng 03 năm 2013

NGUYỄN HỮU TRƯỜNG
KẾ TOÁN TRƯỞNG

